

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ thực hiện chế độ trợ cấp mai táng phí đối với thân nhân dân công hỏa tuyến theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ về việc quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang: Số 66/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013; số 47/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2017; số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019; số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 138/2015/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 26 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 69/TTr-SLĐTBXH ngày 15 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ thực hiện chế độ trợ cấp mai táng phí đối với thân nhân dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế theo quy định tại Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

1. Số đối tượng dân công hỏa tuyến đã từ trần: 700 người.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

2. Kinh phí thực hiện: 12.525.500.000 đồng.

(Bằng chữ: Mười hai tỷ, năm trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng).

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn chi đảm bảo xã hội được phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố tại Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh về giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý, thẩm quyền phê duyệt của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo, đảm bảo theo quy định hiện hành của pháp luật;

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có liên quan tổ chức thực hiện việc chi trả chế độ trợ cấp mai táng phí đối với thân nhân dân công hòa tuyến kịp thời, đúng định mức theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm giám sát, hướng dẫn công tác thanh quyết toán nguồn kinh phí của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có liên quan đảm bảo theo quy định hiện hành của pháp luật.

3. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm trước pháp luật về quản lý và chi trả chế độ trợ cấp mai táng phí cho thân nhân dân công hòa tuyến, thực hiện thanh quyết toán theo quy định.

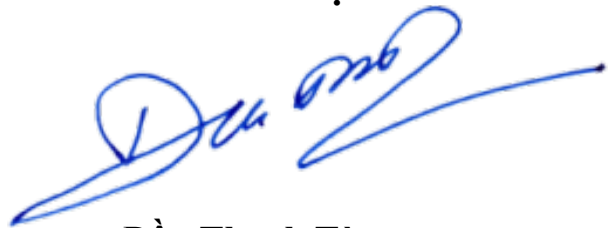
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Đầu Thanh Tùng;
- Lưu: VT, VX_{NCC53}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đâu Thanh Tùng

**Phụ lục 1: Tổng hợp đối tượng và kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp mai táng phí
đối với thân nhân dân công hỏa tuyến theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg
ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)**

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đơn vị	Đối tượng	Tổng kinh phí	Chi tiết (Số đối tượng x mức tiền)
1	2	3	4	5
1	Thành phố Thanh Hóa	43	766.800.000	1 x 13.900.000 = 13.900.000
				1 x 14.900.000 = 14.900.000
				41 x 18.000.000 = 738.000.000
2	Huyện Vĩnh Lộc	23	414.000.000	23 x 18.000.000 = 414.000.000
3	Huyện Đông Sơn	11	198.000.000	11 x 18.000.000 = 198.000.000
4	Thị xã Nghi Sơn	22	392.900.000	01 x 14.900.000 = 14.900.000
				21 x 18.000.000 = 378.000.000
5	Huyện Thiệu Hóa	19	342.000.000	19 x 18.000.000 = 342.000.000
6	Huyện Quảng Xương	56	1.004.900.000	01 x 14.900.000 = 14.900.000
				55 x 18.000.000 = 990.000.000
7	Huyện Hoằng Hóa	74	1.328.900.000	01 x 14.900.000 = 14.900.000
				73 x 18.000.000 = 1.314.000.000
8	Huyện Thọ Xuân	54	968.900.000	01 x 14.900.000 = 14.900.000
				53 X 18.000.000 = 954.000.000
9	Huyện Triệu Sơn	25	446.900.000	01 x 14.900.000 = 14.900.000
				24 x 18.000.000 = 432.000.000
10	Huyện Nga Sơn	53	950.900.000	01 x 14.900.000 = 14.900.000
				52 x 18.000.000 = 936.000.000
11	Huyện Nông Cống	97	1.736.700.000	03 x 14.900.000 = 44.700.000
				94 x 18.000.000 = 1.692.000.000
12	Huyện Cẩm Thủy	19	342.000.000	19 x 18.000.000 = 342.000.000
13	Huyện Thạch Thành	18	314.700.000	03 x 14.900.000 = 44.700.000
				15 x 18.000.000 = 270.000.000
14	Huyện Ngọc Lặc	10	176.900.000	01 x 14.900.000 = 14.900.000
				09 x 18.000.000 = 162.000.000

TT	Đơn vị	Đối tượng	Tổng kinh phí	Chi tiết (Số đối tượng x mức tiền)
15	Huyện Yên Định	69	1.229.300.000	01 x 11.500.000 = 11.500.000
				02 x 14.900.000 = 29.800.000
				66 x 18.000.000 = 1.188.000.000
16	Huyện Hà Trung	38	684.000.000	38 x 18.000.000 = 684.000.000
17	Thị xã Bỉm Sơn	1	18.000.000	01 x 18.000.000 = 18.000.000
18	Huyện Bá Thước	27	477.900.000	01 x 13.000.000 = 13.000.000
				01 x 14.900.000 = 14.900.000
				25 x 18.000.000 = 450.000.000
19	Huyện Quan Sơn	4	72.000.000	04 x 18.000.000 = 72.000.000
20	Huyện Như Thanh	8	140.900.000	01 x 14.900.000 = 14.900.000
				07 x 18.000.000 = 126.000.000
21	Huyện Thường Xuân	2	36.000.000	02 x 18.000.000 = 36.000.000
22	Huyện Như Xuân	2	36.000.000	02 x 18.000.000 = 36.000.000
23	Huyện Hậu Lộc	22	396.000.000	22 x 18.000.000 = 396.000.000
24	Huyện Mường Lát	3	50.900.000	01 x 14.900.000 = 14.900.000
				02 x 18.000.000 = 36.000.000
Cộng		700	12.525.500.000	01 x 11.500.000 = 11.500.000
				01 x 13.000.000 = 13.000.000
				01 x 13.900.000 = 13.900.000
				19 x 14.900.000 = 283.100.000
				678 x 18.000.000 = 12.204.000.000

**Phụ lục 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG DÂN CÔNG HỎA TUYẾN ĐÃ TỪ TRẦN ĐỀ NGHỊ TRỢ CẤP MAI TÁNG PHÍ
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 49/2015/QĐ-TTG CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	Thành phố Thanh Hoá									
1	Nguyễn Thị Bình	1933	P. Đông Hương	P. Đông Hương	2702-2704	02/02/2024	Nguyễn Xuân Hội	P. Đông Vệ	Con	18.000.000
2	Nguyễn Thị Mười	1933	P. Quảng Thành	P. Quảng Thành	2702-2704	25/02/2024	Nguyễn Khắc Phong	P. Quảng Thành	Con	18.000.000
3	Lê Thị Kiên	1933	P. Long Anh	P. Long Anh	2702-2704	18/02/2024	Lê Kim Sáu	P. Long Anh	Con	18.000.000
4	Bùi Thị Rơi	1938	Xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hóa	P. Đông Sơn	1952	31/12/2023	Nguyễn Trường Mạnh	P. Đông Sơn	Con	18.000.000
5	Lê Thị Kỳ	1932	P. Long Anh	P. Long Anh	1604-1605	03/02/2024	Lê Văn Thắng	P. Long Anh	Con	18.000.000
6	Lê Thị Bách	1932	P. Long Anh	P. Long Anh	25	25/12/2023	Lê Thị Châm	P. Long Anh	Con	18.000.000
7	Phạm Thị Như	1932	P. Quảng Cát	P. Quảng Cát	2184	06/01/2024	Đỗ Văn Thiệu	P. Quảng Cát	Chồng	18.000.000
8	Lê Thị Do	1932	P. Đông Cương	P. Đông Cương	2184	10/02/2024	Lê Văn Hợi	P. Đông Cương	Con	18.000.000
9	Nguyễn Thị Chơn	1932	P. Quảng Hưng	P. Quảng Hưng	3042-3043	16/01/2024	Nguyễn Bá Ban	P. Quảng Hưng	Con	18.000.000
10	Lê Thị Ninh	1931	P. Quảng Cát	P. Quảng Cát	1493-1494	28/12/2023	Hoàng Văn Lan	P. Quảng Cát	Con	18.000.000
11	Nguyễn Thị Hân	1930	P. Quảng Cát	P. Quảng Đông	3042-3043	10/01/2024	Nguyễn Văn Thủy	P. Quảng Đông	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
12	Lê Văn Hiếu	1929	P. Quảng Phú	P. Quảng Phú	711-924	23/09/2023	Trần Thị Nhổng	P. Quảng Phú	Con	18.000.000
13	Lê Thị Tôm	1935	P. Đông Hải	P. Đông Hải	2702-2704	14/01/2024	Nguyễn Đình Toàn	P. Đông Hải	Con	18.000.000
14	Nguyễn Thị Sanh	1929	P. Quảng Phú	P. Quảng Phú	711-924	24/12/2023	Nguyễn Văn Thạo	P. Quảng Phú	Con	18.000.000
15	Nguyễn Thị Tôn	1922	P. Tào Xuyên	P. Tào Xuyên	711-924	30/12/2023	Lê Văn Thắng	P. Tào Xuyên	Con	18.000.000
16	Nguyễn Bá Khánh	1955	P. Đông Hải	P. Đông Hải	469-470	16/01/2024	Trần Thị Lạn	P. Đông Hải	Vợ	18.000.000
17	Nguyễn Thị Lan	1934	Thành phố Ninh Bình	P. Đông Vệ	2702-2704	25/12/2023	Nguyễn Văn Sơn	P. Đông Vệ	Con	18.000.000
18	Nguyễn Hữu Sáng	1943	P. Thiệu Khánh	P. Thiệu Khánh	3454	04/12/2023	Lê Thị Vận	P. Thiệu Khánh	Vợ	18.000.000
19	Trần Thị Thiềm	1931	P. Đông Cương	P. Đông Cương	2702-2704	20/11/2023	Nguyễn Đức Minh	P. Đông Cương	Con	18.000.000
20	Nguyễn Thị Nghia	1929	P. Quảng Phú	P. Quảng Phú	25	23/10/2023	Nguyễn Xuân Sáu	P. Quảng Phú	Con	18.000.000
21	Nguyễn Thị Hân	1930	X. Quảng Trạch, H. Quảng Xương	X. Đông Vinh	1052-1053	27/9/2023	Trần Sỹ Dinh	X. Đông Vinh	Con	18.000.000
22	Nguyễn Văn Xô	1952	P. Thiệu Khánh	P. Thiệu Khánh	1952	13/02/2024	Ngô Thị Duyên	P. Thiệu Khánh	Vợ	18.000.000
23	Nguyễn Thị Vây	1929	P. Thiệu Khánh	P. Thiệu Khánh	25	19/12/2023	Nguyễn Đăng Sinh	P. Thiệu Khánh	Cháu	18.000.000
24	Phạm Thị Han	1928	P. Quảng Cát	P. Quảng Cát	1493-1494	22/02/2024	Chu Văn Dần	P. Quảng Cát	Chồng	18.000.000
25	Nguyễn Đình Be	1929	X. Thiệu Vân	X. Thiệu Vân	3454	25/8/2020	Nguyễn Đình Sinh	X. Thiệu Vân	Con	14.900.000
26	Nguyễn Thị Lô	1920	P. Tào Xuyên	P. Tào Xuyên	469-470	25/01/2024	Nguyễn Tác Thơ	P. Tào Xuyên	Con	18.000.000
27	Nguyễn Thị Bàn	1937	P. Quảng Phú	P. Quảng Phú	711-924	24/03/2024	Nguyễn Văn Sâm	P. Quảng Phú	Em	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
28	Nguyễn Thị Hòe	1930	P. Quảng Phú	P. Quảng Phú	711-924	05/03/2024	Nguyễn Hữu Thắng	P. Quảng Phú	Em	18.000.000
29	Phạm Thị Nguyệt	1953	X. Hoằng Đại	X. Hoằng Đại	1493-1494	27/03/2024	Lê Trọng Canh	X. Hoằng Đại	Chồng	18.000.000
30	Lê Thị Biên	1928	X. Hoằng Đại	X. Hoằng Đại	1493-1494	28/01/2024	Trương Văn Nhung	X. Hoằng Đại	Con	18.000.000
31	Nguyễn Thị Tuyết	1933	X. Hoằng Đại	X. Hoằng Đại	1665	13/01/2024	Nguyễn Tôn Sơn	X. Hoằng Đại	Con	18.000.000
32	Nguyễn Thị Nhiều	1920	P. Quảng Cát	P. Quảng Cát	2702-2704	02/02/2024	Chu Đăng Giao	P. Quảng Cát	Con	18.000.000
33	Nguyễn Văn Quán	1939	P. Quảng Cát	P. Quảng Cát	190	23/02/2024	Nguyễn Thị Tiệp	P. Quảng Cát	Vợ	18.000.000
34	Đỗ Thị Nhung	1944	P. Quảng Cát	P. Quảng Cát	3042-3043	10/03/2024	Đỗ Văn Phú	P. Quảng Cát	Cháu	18.000.000
35	Hoàng Thị Lỡ	1923	P. Quảng Thành	P. Quảng Thành	190	27/7/2018	Nguyễn Trọng Ư	P. Quảng Thịnh	Con	13.900.000
36	Phạm Thị Hựng	1923	P. Quảng Thịnh	P. Quảng Thịnh	2702-2704	03/03/2024	Lê Văn Thanh	P. Quảng Thịnh	Con	18.000.000
37	Lê Thị Huân	1931	X. Đông Vinh	X. Đông Vinh	2702-2704	22/03/2024	Lê Đình Hân	X. Đông Vinh	Chồng	18.000.000
38	Nguyễn Thị Tuất	1932	P. Đông Hương	P. Đông Hương	538	14/03/2024	Nguyễn Trọng Hưng	P. Đông Hương	Con	18.000.000
39	Phạm Thị Viết	1933	X. Nga Thạch, H. Nga Sơn	P. Ba Đình	1493-1494	12/03/2024	Đình Thị Hồng Vân	P. Ba Đình	Con	18.000.000
40	Nguyễn Thị Diệp	1932	P. Long Anh	P. Long Anh	1604-1605	31/01/2024	Nguyễn Hữu Thống	P. Long Anh	Con	18.000.000
41	Tào Thị Lơ	1928	P. Tào Xuyên	P. Tào Xuyên	2702-2704	02/02/2024	Lê Minh Thành	P. Tào Xuyên	Con	18.000.000
42	Nguyễn Thị Hiền	1955	P. Tào Xuyên	P. Tào Xuyên	711-924	10/04/2024	Nguyễn Văn Biên	P. Tào Xuyên	Em	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
43	Đỗ Thị Lượng	1940	P. Quảng Thành	P. Quảng Thành	469-470	25/01/2024	Hoàng Ngọc Thương	P. Quảng Thành	Con	18.000.000
	Cộng: 43 ĐT									766.800.000
II	Huyện Vĩnh Lộc									
1	Đỗ Thị Tít	1925	Xã Vĩnh Thịnh	Xã Vĩnh Thịnh	3042-3043	30/12/2023	Trịnh Đình Lâm	Xã Vĩnh Thịnh	Con	18.000.000
2	Đỗ Văn Kim	1927	Xã Vĩnh Quang	Xã Vĩnh Quang	2184	09/12/2023	Trần Thị Hỷ	Xã Vĩnh Quang	Vợ	18.000.000
3	Vũ Thị Nghị	1932	Xã Ninh Khang	Xã Ninh Khang	1952	08/01/2024	Mai Văn Tuyên	Xã Ninh Khang	Con	18.000.000
4	Trịnh Xuân Thịnh	1931	Xã Ninh Khang	Xã Ninh Khang	692	30/12/2023	Trịnh Xuân Quang	Xã Ninh Khang	Con	18.000.000
5	Trần Thị Phương	1933	TTr Vĩnh Lộc	TTr Vĩnh Lộc	25	28/9/2023	Phạm Văn Phê	TTr Vĩnh Lộc	Con	18.000.000
6	Lưu Thị Lật	1935	Xã Vĩnh Hưng	Xã Vĩnh Hưng	1048	01/02/2024	Nguyễn Văn Thư	Xã Vĩnh Hưng	Con	18.000.000
7	Lê Thị Ninh	1935	Xã Vĩnh Tiến	Xã Vĩnh Tiến	39-41	30/01/2024	Trịnh Thế Nghiêm	Xã Vĩnh Tiến	Con	18.000.000
8	Vũ Thị Với	1929	Xã Vĩnh Long	Xã Vĩnh Long	2184	23/01/2024	Vũ Nguyên Nghị	Xã Vĩnh Long	Con	18.000.000
9	Hoàng Thị Phiên	1930	Xã Ninh Khang	Xã Ninh Khang	1952	28/01/2024	Nguyễn Mạnh Hà	Xã Ninh Khang	Con	18.000.000
10	Trịnh Đình Hỷ	1916	Xã Ninh Khang	Xã Ninh Khang	2702-2704	01/02/2024	Trịnh Đình Ngân	Xã Ninh Khang	Con	18.000.000
11	Nguyễn Thị Tài	1935	Xã Vĩnh An	Xã Vĩnh An	469-470	09/02/2024	Trần Văn Nhấn	Xã Vĩnh An	Con	18.000.000
12	Trần Thị Soạn	1925	Xã Ninh Khang	Xã Ninh Khang	214	03/01/2024	Lê Tiến Quân	Xã Ninh Khang	Con	18.000.000
13	Lê Thị Thìn	1935	Xã Vĩnh Hùng	Xã Vĩnh Hùng	1052-1053	03/3/2024	Hoàng Đình Định	Xã Vĩnh Hùng	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
14	Trương Thị Hợi	1948	Xã Minh Tân	Xã Minh Tân	2184	18/02/2024	Trương Thế Lực	Xã Minh Tân	Em	18.000.000
15	Lê Thị Lới	1929	Xã Minh Tân	Xã Minh Tân	39-41	30/11/2023	Mai Ngọc Hoàng	Xã Minh Tân	Con	18.000.000
16	Ngô Văn Long	1931	Xã Minh Tân	Xã Minh Tân	692	15/11/2023	Ngô Văn Tuấn	Xã Minh Tân	Con	18.000.000
17	Nguyễn Thị Xuyên	1932	Xã Vĩnh Thịnh	Xã Vĩnh Thịnh	3042-3043	15/01/2024	Nguyễn Văn Huân	Xã Vĩnh Thịnh	Con	18.000.000
18	Phạm Ngọc Thắm	1931	Xã Vĩnh Yên	Xã Vĩnh Yên	2527-2529	20/12/2023	Phạm Văn Biên	Xã Vĩnh Yên	Con	18.000.000
19	Hoàng Thị Loan	1927	Xã Vĩnh Thịnh	Xã Vĩnh Thịnh	1052-1053	17/01/2024	Hoàng Hữu Lương	Xã Vĩnh Thịnh	Con	18.000.000
20	Hoàng Thị Chi	1937	Xã Vĩnh Hùng	Xã Vĩnh Hùng	469-470	11/3/2024	Hoàng Đình Hòa	Xã Vĩnh Hùng	Con	18.000.000
21	Lê Thị Canh	1922	Xã Vĩnh Hòa	Xã Vĩnh Hòa	692	16/02/2024	Vũ Đình Chính	Xã Vĩnh Hòa	Con	18.000.000
22	Vũ Thị Thôn	1923	Xã Vĩnh Long	Xã Vĩnh Long	2527-2529	01/3/2024	Nguyễn Thị Đào	Xã Vĩnh Long	Con	18.000.000
23	Đỗ Thị Tý	1933	Xã Vĩnh Phúc	Xã Vĩnh Phúc	2702-2074	30/10/2023	Phạm Văn Tú	Xã Vĩnh Phúc	Con	18.000.000
	Cộng: 23 DT									414.000.000
III	Huyện Đông Sơn									
1	Lê Thị Tuyết	1928	Xã Đông Ninh	Xã Đông Ninh	1538	30/12/2023	Phạm Ngọc Giới	Xã Đông Ninh	Con	18.000.000
2	Lê Thị Dần	1929	Xã Đông Hoàng	Xã Đông Hoàng	1604-1605	06/01/2024	Lê Thị Thường	Xã Đông Hoàng	Con	18.000.000
3	Lê Thị Xinh	1933	Xã Đông Hoàng	Xã Đông Hoàng	1604-1605	14/01/2024	Lê Xuân Chinh	Xã Đông Hoàng	Con	18.000.000
4	Lê Thị Vững	1931	Xã Đông Khê	Xã Đông Khê	1052-1053	29/12/2023	Nguyễn Thị Hằng	Xã Đông Khê	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
5	Lê Thị Quyết	1957	Xã Đông Khê	Xã Đông Khê	1052-1053	07/12/2023	Trần Văn Ngân	Xã Đông Khê	Con	18.000.000
6	Doãn Thị Khang	1923	Xã Đông Thịnh	Xã Đông Thịnh	1281	29/12/2023	Lê Văn Quý	Xã Đông Thịnh	Con	18.000.000
7	Doãn Thị Lân	1931	Xã Đông Thịnh	Xã Đông Thịnh	249	16/01/2024	Nguyễn Thế Đoàn	Xã Đông Thịnh	Con	18.000.000
8	Lê Thị Thạo	1924	Xã Đông Phú	Xã Đông Phú	2527-2529	13/01/2024	Lê Duy Thắng	Xã Đông Phú	Con	18.000.000
9	Lê Thị Dung	1940	Xã Đông Phú	Xã Đông Phú	2527-2529	02/01/2024	Lê Văn Thành	Xã Đông Phú	Con	18.000.000
10	Nguyễn Thị Nhơn	1930	Xã Đông Phú	Xã Đông Phú	2527-2529	17/02/2024	Lê Ngọc Hải	Xã Đông Phú	Con	18.000.000
11	Nguyễn Thị Thuận	1952	Xã Đông Yên	Xã Đông Yên	2184	11/02/2024	Nguyễn Thủy Trung	Xã Đông Yên	Con	18.000.000
	Cộng: 11 DT									198.000.000
IV	Thị xã Nghi Sơn									
1	Lê Thị Nhàng	1932	P. Nguyên Bình	P. Nguyên Bình	1052-1053	26/12/2023	Lê Ngọc Diêu	P. Nguyên Bình	Con	18.000.000
2	Lê Văn Nhỡ	1933	P. Nguyên Bình	P. Nguyên Bình	1493-1494	08/02/2024	Lê Văn Quang	P. Nguyên Bình	Con	18.000.000
3	Lê Văn Hồng	1933	Xã Tân Trường	Xã Tân Trường	1052-1053	07/01/2024	Lê Thế Dũng	Xã Tân Trường	Con	18.000.000
4	Lê Thị Loan	1953	Phường Hải An	Phường Hải An	3029	23/12/2023	Lê Văn Văn	Phường Hải An	Chồng	18.000.000
5	Lường Thị Quy	1947	Xã Thanh Sơn	Xã Thanh Sơn	25	05/01/2024	Lê Ngọc Lâm	Xã Thanh Sơn	Chồng	18.000.000
6	Nguyễn Thị Miến	1930	Phường Tân Dân	Xã Các Sơn	1538	31/01/2024	Nguyễn Đức Khuyên	Xã Các Sơn	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
7	Nguyễn Thị Phương	1943	Phường Tĩnh Hải	Phường Hải Thượng	3454	15/12/2023	Nguyễn Thị Hoa	Phường Hải Thượng	Em	18.000.000
8	Lê Thị Ngoạn	1948	Phường Tĩnh Hải	Phường Hải Thượng	190	04/02/2022	Lê Thế Sơn	Phường Hải Thượng	Con	14.900.000
9	Nguyễn Thị Sâm	1937	Phường Hải Bình	Phường Hải Bình	1635	29/01/2024	Trần Văn Lục	Phường Hải Bình	Con	18.000.000
10	Cao Thị Bày	1932	Phường Mai Lâm	Phường Mai Lâm	3029	29/02/2024	Trịnh Hải Phòng	Phường Mai Lâm	Cháu	18.000.000
11	Lê Thị Noãn	1932	Xã Hải Nhân	Xã Hải Nhân	2527-2529	17/8/2023	Nguyễn Thị Chính	Xã Hải Nhân	Con	18.000.000
12	Đỗ Đức Nghị	1934	Phường Hải Lĩnh	Xã Phú Lâm	3029	10/02/2024	Lê Thị Thủy	Xã Phú Lâm	Con	18.000.000
13	Trần Thị Hễn	1935	Phường Hải Châu	Phường Hải Châu	1665	12/02/2024	Phạm Viết Thư	Phường Hải Châu	Con	18.000.000
14	Lê Đình Nghiêm	1930	Phường Hải Ninh	Phường Hải Ninh	1052-1053	11/03/2024	Lê Thị Lạc	Phường Hải Ninh	Vợ	18.000.000
15	Lê Thị Đáp	1930	Phường Hải Ninh	Phường Hải Ninh	1052-1053	11/02/2024	Lê Đình Hiền	Phường Hải Ninh	Con	18.000.000
16	Lê Công May	1935	Phường Hải Ninh	Phường Hải Ninh	1052-1053	19/02/2024	Lê Công Hạnh	Phường Hải Ninh	Con	18.000.000
17	Vũ Thị Loan	1939	Phường Hải Ninh	Phường Hải Ninh	2019	06/03/2024	Vũ Hữu Nghĩa	Phường Hải Ninh	Cháu	18.000.000
18	Trần Thị Luân	1934	Xã Anh Sơn	Xã Anh Sơn	1665	11/02/2024	Trần Công Kỳ	Xã Anh Sơn	Con	18.000.000
19	Đào Công Nhượng	1926	Xã Anh Sơn	Xã Anh Sơn	3029	27/11/2023	Đào Công Thụ	Xã Anh Sơn	Con	18.000.000
20	Phạm Thị Kim	1931	Xã Tùng Lâm	Xã Tùng Lâm	2019	16/01/2024	Lê Thị Nga	Xã Tùng Lâm	Con	18.000.000
21	Trần Văn Lòn	1935	Xã Nghi Sơn	Xã Nghi Sơn	3042-3043	14/02/2024	Trần Thanh Sơn	Xã Nghi Sơn	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
22	Lê Thị Tín	1930	Phường Tĩnh Hải	Phường Tĩnh Hải	692	18/7/2023	Lê Trọng Công	Phường Tĩnh Hải	Con	18.000.000
	Cộng: 22 DT									392.900.000
V	Huyện Thiệu Hóa									
1	Nguyễn Hữu Khénh	1929	Xã Tân Châu	Xã Tân Châu	39-41	09/12/2023	Nguyễn Hữu Hà	Xã Tân Châu	Con	18.000.000
2	Đỗ Thị Long	1930	Xã Tân Châu	Xã Tân Châu	214	23/12/2023	Phùng Thị Cúc	Xã Tân Châu	Cháu	18.000.000
3	Quản Thị Diệu	1938	Xã Thiệu Hợp	Xã Thiệu Hợp	692	28/12/2023	Lý Văn Định	Xã Thiệu Hợp	Con	18.000.000
4	Lê Thị Ngánh	1930	Xã Thiệu Hợp	Xã Thiệu Hợp	2280	22/02/2024	Đặng Minh Tu	Xã Thiệu Hợp	Con	18.000.000
5	Dương Thị Ái	1927	Xã Thiệu Thịnh	Xã Thiệu Thịnh	25	10/12/2023	Lê Thế Khải	Xã Thiệu Thịnh	Con	18.000.000
6	Nguyễn Thị Vân	1924	Xã Thiệu Vũ	Xã Thiệu Vũ	25	21/12/2023	Ngô Văn Đăng	Xã Thiệu Vũ	Con	18.000.000
7	Trịnh Thị Thùy	1932	Xã Thiệu Vũ	Xã Thiệu Vũ	692	02/01/2024	Lê Thị Việt	Xã Thiệu Vũ	Con	18.000.000
8	Trịnh Thị Hường	1935	TTr. Thiệu Hóa	TTr. Thiệu Hóa	25	20/02/2024	Hoàng Huy Thơm	TTr. Thiệu Hóa	Con	18.000.000
9	Vũ Thị Sửu	1921	Xã Thiệu Phúc	Xã Thiệu Phúc	2280	17/02/2024	Nguyễn Văn Dạng	Xã Thiệu Phúc	Con	18.000.000
10	Lê Thị An	1932	Xã Thiệu Phúc	Xã Thiệu Phúc	39-41	18/01/2024	Lê Hữu Khánh	Xã Thiệu Phúc	Con	18.000.000
11	Nguyễn Thị Lắm	1933	Xã Thiệu Tâm	TTr. Hậu Hiền	1665	31/01/2024	Nguyễn Dương Đệ	TTr. Hậu Hiền	Con	18.000.000
12	Lê Thị Niêm	1927	Xã Thiệu Minh	TTr. Hậu Hiền	1221-1223	15/12/2023	Hà Thị Tâm	TTr. Hậu Hiền	Con	18.000.000
13	Lê Văn Văn	1931	Xã Thiệu Giao	Xã Thiệu Giao	1493-1494	23/02/2024	Nguyễn Hữu Hòa	Xã Thiệu Giao	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
14	Lý Thị Nọ	1934	Xã Thiệu Giao	Xã Thiệu Giao	1493-1494	04/02/2024	Lê Hữu Ngọc	Xã Thiệu Giao	Con	18.000.000
15	Đinh Thị Nhã	1928	Xã Thiệu Toán	Xã Thiệu Toán	25	04/01/2024	Khương Công Huân	Xã Thiệu Toán	Con	18.000.000
16	Phạm Thị Nhự	1922	Xã Thiệu Toán	Xã Thiệu Toán	25	31/12/2023	Lê Hồng Minh	Xã Thiệu Toán	Con	18.000.000
17	Lê Thị Vinh	1928	Xã Thiệu Toán	Xã Thiệu Toán	25	03/02/2024	Lê Công Tâm	Xã Thiệu Toán	Chồng	18.000.000
18	Hoàng Thị Vân	1933	Xã Thiệu Toán	Xã Thiệu Toán	25	09/01/2024	Lê Văn Phước	Xã Thiệu Toán	Con	18.000.000
19	Trịnh Thị Chế	1929	Xã Thiệu Thành	Xã Thiệu Thành	1281	17/12/2023	Nguyễn Văn Nguyên	Xã Thiệu Thành	Con	18.000.000
	Cộng: 19 DT									342.000.000
VI	Huyện Quảng Xương									
1	Nguyễn Thị Gác	1939	Xã Quảng Hoà	Xã Quảng Hoà	538	05/02/2024	Nguyễn Văn Toán	Xã Quảng Hoà	Con	18.000.000
2	Lê Thị Truyền	1940	Xã Quảng Hoà	Xã Quảng Hoà	538	01/01/2024	Lê Văn Lọc	Xã Quảng Hoà	Con	18.000.000
3	Lê Văn Quyết	1925	Xã Quảng Hoà	Xã Quảng Hoà	185-186	28/01/2024	Lê Thị Thơ	Xã Quảng Hoà	Vợ	18.000.000
4	Trần Thị Tốt	1932	Xã Quảng Hợp	Xã Quảng Hoà	39-41	13/02/2024	Nguyễn Hữu Trường	Xã Quảng Hoà	Con	18.000.000
5	Lê Văn Công	1940	Xã Quảng Hoà	Xã Quảng Hoà	1268	26/12/2023	Cù Thị Hương	Xã Quảng Hoà	Vợ	18.000.000
6	Bùi Thị Lợi	1927	Xã Quảng Trường	Xã Quảng Trường	2702-2704	14/02/2024	Đỗ Thị Thanh	Xã Quảng Trường	Con	18.000.000
7	Hà Văn Thới	1933	Xã Quảng Trường	Xã Quảng Trường	1604-1605	30/12/2023	Hà Văn Trường	Xã Quảng Trường	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
8	Ngô Thị Hiên	1923	Xã Quảng Phúc	Xã Quảng Phúc	2527-2529	20/12/2023	Nguyễn Đăng Trì	Xã Quảng Phúc	Con	18.000.000
9	Trần Thị Xớ	1923	Xã Quảng Phúc	Xã Quảng Phúc	2527-2529	29/12/2023	Nguyễn Thị Luyện	Xã Quảng Phúc	Con	18.000.000
10	Lê Thị Cách	1913	Xã Quảng Phúc	Xã Quảng Phúc	2527-2529	29/01/2024	Ngô Văn Huế	Xã Quảng Phúc	Con	18.000.000
11	Nguyễn Thị Nhâm	1933	Quảng Vọng	Quảng Phúc	1493-1494	31/01/2024	Nguyễn Bá Nam	Xã Quảng Phúc	Con	18.000.000
12	Lê Thị Là	1918	Xã Quảng Lợi	Xã Tiên Trang	1604-1605	24/02/2024	Nguyễn Xuân Hiệp	Xã Tiên Trang	Con	18.000.000
13	Dương Thị Từ	1921	Xã Quảng Lợi	Xã Tiên Trang	1604-1605	10/01/2024	Trịnh Viết Tam	Xã Tiên Trang	Con	18.000.000
14	Hồ Thị Sâm	1950	Xã Quảng Lĩnh	Xã Tiên Trang	1665	27/01/2024	Nguyễn Văn Nguyên	Xã Tiên Trang	Con	18.000.000
15	Nguyễn Thị Loan	1932	Xã Quảng Lĩnh	Xã Tiên Trang	39-41	11/12/2023	Hoàng Xuân Minh	Xã Tiên Trang	Con	18.000.000
16	Lê Thị Tân	1945	Xã Quảng Yên	Xã Quảng Yên	2019	17/02/2024	Ngô Thị Hiên	Xã Quảng Yên	Con	18.000.000
17	Nguyễn Văn Đắc	1932	Xã Quảng Yên	Xã Quảng Yên	3042-3043	12/01/2024	Lê Thị Loan	Xã Quảng Yên	Vợ	18.000.000
18	Lê Thị Lài	1931	Xã Quảng Yên	Xã Quảng Yên	2702-2704	19/01/2024	Nguyễn Văn Hoàng	Xã Quảng Yên	Con	18.000.000
19	Lê Thị Loan	1932	Xã Quảng Định	Xã Quảng Định	692	10/02/2024	Hoàng Văn Tâm	Xã Quảng Định	Con	18.000.000
20	Nguyễn Thị Dày	1935	TTr Tân Phong	Xã Quảng Đức	538	31/01/2024	Phan Đình Việt	Xã Quảng Đức	Con	18.000.000
21	Phạm Văn Sừ	1950	Xã Quảng Đức	Xã Quảng Đức	2702-2704	25/02/2024	Hoàng Thị Dỵ	Xã Quảng Đức	Vợ	18.000.000
22	Nguyễn Xuân Vường	1924	Xã Quảng Giao	Xã Quảng Giao	2702-2704	02/02/2024	Nguyễn Thị Dân	Xã Quảng Giao	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
23	Nguyễn Thị Vui	1932	Xã Quảng Nhân	Xã Quảng Nhân	190	24/12/2021	Nguyễn Tuấn Vinh	Xã Quảng Nhân	Con	14.900.000
24	Nguyễn Thị Duân	1930	Xã Quảng Nhân	Xã Quảng Nhân	1635	13/01/2024	Lê Thị Lan	Xã Quảng Nhân	Con	18.000.000
25	Nguyễn Văn Hải	1930	Xã Quảng Nhân	Xã Quảng Nhân	1048	14/01/2024	Lê Thị Lâng	Xã Quảng Nhân	Vợ	18.000.000
26	Tô Hồng Duyên	1950	Xã Quảng Văn	Xã Quảng Văn	3042-3043	11/02/2024	Vũ Thị Luyện	Xã Quảng Văn	Vợ	18.000.000
27	Trần Thị Ngu	1930	Xã Quảng Văn	Xã Quảng Văn	692	10/02/2024	Trần Thị Chung	Xã Quảng Văn	Con	18.000.000
28	Vương Thị Ty	1942	Xã Quảng Văn	Xã Quảng Văn	3454	22/02/2024	Vũ Bá Hùng	Xã Quảng Văn	Con	18.000.000
29	Đỗ Văn Quỳ	1923	Xã Quảng Văn	Xã Quảng Văn	711-924	13/12/2023	Đỗ Xuân Cẩn	Xã Quảng Văn	Con	18.000.000
30	Vũ Thị Vóc	1945	Xã Quảng Văn	Xã Quảng Văn	2019	11/01/2024	Lê Văn Vinh	Xã Quảng Văn	Con	18.000.000
31	Lê Thị Hò	1946	Xã Quảng Văn	Xã Quảng Văn	692	07/01/2024	Nguyễn Thị Lân	Xã Quảng Văn	Con	18.000.000
32	Hoàng Thị Hoa	1924	Xã Quảng Long	Xã Quảng Long	185-186	18/02/2024	Vũ Hoài An	Xã Quảng Long	Con	18.000.000
33	Hồ Xuân Bi	1937	Xã Quảng Long	Xã Quảng Long	185-186	31/12/2023	Hồ Xuân Đình	Xã Quảng Long	Con	18.000.000
34	Lê Bá Thục	1942	Xã Quảng Long	Xã Quảng Long	1604-1605	01/01/2024	Lê Bá Tâm	Xã Quảng Long	Con	18.000.000
35	Nguyễn Thị Đàm	1925	Xã Quảng Long	Xã Quảng Long	185-186	25/12/2023	Lê Thị Quế	Xã Quảng Long	Con	18.000.000
36	Nguyễn Thị Tồn	1927	Xã Quảng Long	Xã Quảng Long	469-470	22/01/2024	Lê Thị Hà	Xã Quảng Long	Con	18.000.000
37	Nguyễn Ngọc Can	1940	Xã Quảng Ninh	Xã Quảng Ninh	2702-2704	23/02/2024	Nguyễn Văn Long	Xã Quảng Ninh	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
38	Nguyễn Văn Lăng	1940	Xã Quảng Ninh	Xã Quảng Ninh	2702-2704	18/02/2024	Nguyễn Văn Hạnh	Xã Quảng Ninh	Con	18.000.000
39	Hoàng Thị Sáu	1933	Xã Quảng Ninh	Xã Quảng Ninh	2702-2704	15/12/2023	Lê Xuân Nông	Xã Quảng Ninh	Con	18.000.000
40	Mai Thị Nguyễn	1922	Xã Quảng Ninh	Xã Quảng Ninh	1221-1223	05/02/2024	Lê Thị Hiền	Xã Quảng Ninh	Con	18.000.000
41	Nguyễn Thị Khuyên	1927	Xã Quảng Hợp	Xã Quảng Hợp	185-186	21/02/2024	Đỗ Ngọc Hà	Xã Quảng Hợp	Con	18.000.000
42	Nguyễn Thị Âu	1938	Xã Quảng Hợp	Xã Quảng Hợp	1493-1494	29/01/2024	Nguyễn Duy Như	Xã Quảng Hợp	Con	18.000.000
43	Đặng Công Đàm	1930	Xã Quảng Ngọc	Xã Quảng Ngọc	25	23/10/2023	Đặng Công Tuấn	Xã Quảng Ngọc	Con	18.000.000
44	Nguyễn Thị Láng	1931	Xã Quảng Bình	Xã Quảng Bình	1665	06/3/2024	Nguyễn Văn Truyền	Xã Quảng Bình	Chồng	18.000.000
45	Viên Thị Thất	1931	Xã Quảng Bình	Xã Quảng Bình	1493-1494	23/11/2023	Bùi Thị Ban	Xã Quảng Bình	Con	18.000.000
46	Lê Thị Nháng	1920	Xã Quảng Lưu	Xã Quảng Lưu	2527-2529	09/01/2024	Lê Đình Thành	Xã Quảng Lưu	Con	18.000.000
47	Phạm Thị Hằng	1926	Xã Quảng Lưu	Xã Quảng Lưu	2527-2529	03/12/2023	Lê Duy Quang	Xã Quảng Lưu	Con	18.000.000
48	Phạm Thị Cây	1931	Xã Quảng Lưu	Xã Quảng Lưu	2527-2529	12/11/2023	Nguyễn Thị Hiền	Xã Quảng Lưu	Con	18.000.000
49	Phạm Thị Mùi	1929	Xã Quảng Lộc	Xã Quảng Lộc	2702-2704	09/01/2024	Nguyễn Trọng Kiệm	Xã Quảng Lộc	Con	18.000.000
50	Nguyễn Thị Chờ	1932	Xã Quảng Lộc	Xã Quảng Lộc	2702-2704	08/01/2024	Trần Văn Lý	Xã Quảng Lộc	Con	18.000.000
51	Nguyễn Thị Kẽm	1940	Xã Quảng Thạch	Xã Quảng Thạch	1538	20/01/2024	Lê Thị Xoan	Xã Quảng Thạch	Con	18.000.000
52	Mai Ngọc Điểm	1940	Xã Quảng Chính	Xã Quảng Chính	1421	18/01/2024	Mai Ngọc Biên	Xã Quảng Chính	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
53	Trần Thị Na	1932	TTr Tân Phong	TTr Tân Phong	711-924	17/01/2024	Bùi Sỹ Hưng	TTr Tân Phong	Con	18.000.000
54	Lê Thị Nho	1934	TTr Tân Phong	TTr Tân Phong	548	25/11/2023	Bùi Quang Cảnh	TTr Tân Phong	Cháu	18.000.000
55	Hoàng Thị Gương	1924	TTr Tân Phong	TTr Tân Phong	1604-1605	18/11/2023	Nguyễn Huy Tâm	TTr Tân Phong	Con	18.000.000
56	Đới Ích Lai	1940	Xã Quảng Hải	Xã Quảng Hải	1604-1605	04/01/2024	Đới Ích Nuôi	Xã Quảng Hải	Con	18.000.000
	Cộng: 56 DT									1.004.900.000
VII	Huyện Hoàng Hóa									
1	Lê Thị Lý	1929	Xã Hoằng Quý	Xã Hoằng Quý	2184	16/02/2024	Lê Văn Tứ	Xã Hoằng Quý	Chồng	18.000.000
2	Đình Văn Dương	1934	Xã Hoằng Quý	Xã Hoằng Quý	39-41	25/02/2024	Đình Thị Lưu	Xã Hoằng Quý	Con	18.000.000
3	Nguyễn Thị Gốc	1934	Xã Hoằng Quý	Xã Hoằng Quý	2184	28/02/2024	Nguyễn Văn Cường	Xã Hoằng Quý	Con	18.000.000
4	Nguyễn Thị Nguyên	1932	Xã Hoằng Thái	Xã Hoằng Thái	548	07/02/2024	Nguyễn Trọng Mạnh	Xã Hoằng Thái	Con	18.000.000
5	Lê Văn Đát	1937	TTr Bút Sơn	TTr Bút Sơn	2280	29/01/2024	Lê Xuân Cát	TTr Bút Sơn	Con	18.000.000
6	Lê Thị Siêu	1922	Xã Hoằng Thái	Xã Hoằng Thái	39-41	09/02/2024	Bùi Minh Tân	Xã Hoằng Thái	Con	18.000.000
7	Nguyễn Thị Sắn	1923	Xã Hoằng Xuyên	Xã Hoằng Xuyên	711-924	20/01/2024	Nguyễn Văn Bảy	Xã Hoằng Xuyên	Con	18.000.000
8	Nguyễn Thị Quản	1949	Xã Hoằng Tân	Xã Hoằng Tân	1665	05/3/2024	Nguyễn Trọng Ước	Xã Hoằng Tân	Con	18.000.000
9	Cao Thị Chuyên	1932	Xã Hoằng Hợp	Xã Hoằng Hợp	1493-1494	09/3/2024	Nguyễn Danh Quế	Xã Hoằng Hợp	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
10	Nguyễn Thị Miên	1930	Xã Hoằng Thành	Xã Hoằng Thành	2019	08/02/2024	Lê Khắc Chiến	Xã Hoằng Thành	Con	18.000.000
11	Nguyễn Thị Vinh	1932	Xã Hoằng Hợp	Xã Hoằng Hợp	1052-1053	27/01/2024	Tạ Công Chứ	Xã Hoằng Hợp	Chồng	18.000.000
12	Phùng Thị Biền	1940	Xã Hoằng Xuyên	Xã Hoằng Xuyên	25	17/02/2024	Phùng Thanh Tuấn	Xã Hoằng Xuyên	Con	18.000.000
13	Lê Thị Bân	1934	TTr Bút Sơn	TTr Bút Sơn	2527-2529	16/02/2024	Nguyễn Hồng Tứ	TTr Bút Sơn	Con	18.000.000
14	Lê Thị Kiều	1930	TTr Bút Sơn	TTr Bút Sơn	25	17/01/2024	Lê Đình Vân	TTr Bút Sơn	Con	18.000.000
15	Lê Thị Thịnh	1928	Xã Hoằng Đức	TTr Bút Sơn	2019	31/01/2024	Lê Thị Băng	TTr Bút Sơn	Con	18.000.000
16	Lê Thị Hoan	1933	Xã Hoằng Hợp	Xã Hoằng Hợp	2019	17/01/2024	Lê Văn Tân	Xã Hoằng Hợp	Con	18.000.000
17	Lê Thị Bằng	1936	Xã Hoằng Trường	Xã Hoằng Trường	1493-1494	27/01/2024	Lê Văn Thành	X. Hoằng Trường	Con	18.000.000
18	Đặng Thị Chệt	1925	Xã Hoằng Hải	Xã Hoằng Trường	538	08/01/2024	Lê Văn Thi	X. Hoằng Trường	Con	18.000.000
19	Nguyễn Thị Dụ	1937	Xã Hoằng Thanh	Xã Hoằng Thanh	2702-2704	20/12/2023	Lê Gia Hạnh	Xã Hoằng Thanh	Con	18.000.000
20	Lê Văn Đàm	1947	Xã Hoằng Thanh	Xã Hoằng Thanh	2702-2704	22/01/2024	Nguyễn Thị Liếng	Xã Hoằng Thanh	Vợ	18.000.000
21	Lê Thị Y	1943	Xã Hoằng Quý	Xã Hoằng Quý	711-924	05/02/2024	Trịnh Ngọc Dũng	Xã Hoằng Quý	Con	18.000.000
22	Nguyễn Văn Chuông	1930	Xã Hoằng Thái	Xã Hoằng Thái	2019	21/02/2024	Nguyễn Thị Thom	Xã Hoằng Thái	Vợ	18.000.000
23	Chu Thị Ân	1932	Xã Hoằng Lưu	Xã Hoằng Lưu	25	16/01/2024	Lê Thị Quyền	Xã Hoằng Lưu	Con	18.000.000
24	Trịnh Văn Tỏi	1934	Xã Hoằng Lưu	Xã Hoằng Lưu	2527-2529	23/01/2024	Nguyễn Thị Thâng	Xã Hoằng Lưu	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
25	Lê Thị Tích	1932	Xã Hoàng Yên	Xã Hoàng Yên	1604-1605	03/02/2024	Lê Văn Dũng	Xã Hoàng Yên	Con	18.000.000
26	Lê Văn Đức	1919	Xã Hoàng Yên	Xã Hoàng Yên	1493-1494	24/11/2023	Lê Thị Quyên	Xã Hoàng Yên	Con	18.000.000
27	Đỗ Thị Hèo	1930	Xã Hoàng Giang	Xã Hoàng Giang	692	11/01/2024	Lê Văn Tân	Xã Hoàng Giang	Con	18.000.000
28	Nguyễn Thị Tồn	1948	Xã Hoàng Xuyên	Xã Hoàng Xuyên	692	19/02/2024	Nguyễn Thị Duyên	Xã Hoàng Xuyên	Con	18.000.000
29	Lưu Thị Tốn	1925	TTr Bút Sơn	TTr Bút Sơn	1774-1775	21/01/2024	Lê Khắc Soạn	TTr Bút Sơn	Con	18.000.000
30	Lê Thị Huân	1937	TTr Bút Sơn	TTr Bút Sơn	1952	18/01/2024	Hoàng Muôn	TTr Bút Sơn	Chồng	18.000.000
31	Nguyễn Văn Duân	1930	Xã Hoàng Trạch	Xã Hoàng Trạch	2184	30/01/2024	Nguyễn Văn Duyên	Xã Hoàng Trạch	Con	18.000.000
32	Lê Thị Nha	1935	Xã Hoàng Trạch	Xã Hoàng Trạch	469-470	18/01/2024	Trịnh Văn Bảo	Xã Hoàng Trạch	Con	18.000.000
33	Nguyễn Thị Nhường	1928	Xã Hoàng Đồng	Xã Hoàng Đồng	3029	05/02/2024	Trương Văn Tạo	Xã Hoàng Đồng	Con	18.000.000
34	Nguyễn Thị Hồi	1933	Xã Hoàng Đồng	Xã Hoàng Đồng	2184	28/01/2024	Lê Văn Ninh	Xã Hoàng Đồng	Con	18.000.000
35	Nguyễn Thị Dữ	1936	Xã Hoàng Đồng	Xã Hoàng Đồng	548	10/02/2024	Trương Thị Lan	Xã Hoàng Đồng	Con	18.000.000
36	Lê Thị Thu	1934	Xã Hoàng Lưu	Xã Hoàng Lưu	3454	25/01/2024	Lê Huy Phong	Xã Hoàng Lưu	Con	18.000.000
37	Nguyễn Thị Bang	1936	Xã Hoàng Phụng	Xã Hoàng Phụng	1502-1503	05/3/2024	Lê Đắc Nhuận	Xã Hoàng Phụng	Chồng	18.000.000
38	Nguyễn Văn Đình	1934	Xã Hoàng Ngọc	Xã Hoàng Ngọc	1221-1223	09/9/2023	Vũ Thị Cảo	Xã Hoàng Ngọc	Vợ	18.000.000
39	Lê Trọng Phú	1930	Xã Hoàng Trạch	Xã Hoàng Trạch	3029	17/12/2023	Lê Trọng Quý	Xã Hoàng Trạch	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
40	Nguyễn Huy Hình	1932	Xã Hoàng Trạch	Xã Hoàng Trạch	469-470	09/12/2023	Nguyễn Huy Huân	Xã Hoàng Trạch	Con	18.000.000
41	Lê Thị Nền	1927	Xã Hoàng Đạo	Xã Hoàng Đạo	2019	03/12/2023	Nguyễn Thế Ngọc	Xã Hoàng Đạo	Con	18.000.000
42	Trần Thị Mến	1933	Xã Hoàng Sơn	Xã Hoàng Sơn	1665	11/12/2023	Nguyễn Ngọc Tuấn	Xã Hoàng Sơn	Cháu	18.000.000
43	Nguyễn Thị Thước	1929	Xã Hoàng Đông	Xã Hoàng Đông	2019	23/12/2023	Nguyễn Tiến Luận	Xã Hoàng Đông	Con	18.000.000
44	Lê Thị Khon	1935	Xã Hoàng Quỳ	Xã Hoàng Quỳ	2019	21/12/2023	Nguyễn Văn Phượng	Xã Hoàng Quỳ	Con	18.000.000
45	Lê Thị Tuế	1939	Xã Hoàng Quỳ	Xã Hoàng Quỳ	2019	02/01/2024	Lê Sĩ Doánh	Xã Hoàng Quỳ	Chồng	18.000.000
46	Lê Văn Len	1934	Xã Hoàng Phong	Xã Hoàng Phong	39-41	06/11/2023	Lê Thị Thơm	Xã Hoàng Phong	Con	18.000.000
47	Hà Thị Xê	1922	Xã Hoàng Trinh	Xã Hoàng Sơn	2019	04/01/2024	Nguyễn Văn Huệ	Xã Hoàng Sơn	Con	18.000.000
48	Lê Thị Lắm	1924	Xã Hoàng Phú	Xã Hoàng Phú	3042-3043	24/12/2023	Lê Thị Hoi	Xã Hoàng Phú	Con	18.000.000
49	Dương Thị Tung	1936	Xã Hoàng Sơn	Xã Hoàng Sơn	711-924	12/12/2023	Trương Văn Trường	Xã Hoàng Sơn	Cháu	18.000.000
50	Nguyễn Văn Vĩnh	1932	Xã Hoàng Phượng	Xã Hoàng Phượng	1538	06/12/2023	Lê Thị Nghi	Xã Hoàng Phượng	Vợ	18.000.000
51	Trịnh Thị Nguyệt	1933	Xã Hoàng Kim	Xã Hoàng Kim	711-924	05/12/2023	Nguyễn Văn Hắc	Xã Hoàng Kim	Chồng	18.000.000
52	Hắc Thị Trạch	1930	Xã Hoàng Ngọc	Xã Hoàng Ngọc	2702-2704	18/11/2023	Hắc Thị Nhài	Xã Hoàng Ngọc	Con	18.000.000
53	Nguyễn Thị Nghĩa	1941	Xã Hoàng Quý	Xã Hoàng Quý	39-41	03/01/2024	Lê Thị Ngân	Xã Hoàng Quý	Con	18.000.000
54	Nguyễn Thị Thân	1945	Xã Hoàng Quý	Xã Hoàng Quý	711-924	04/01/2024	Lê Trí Tâm	Xã Hoàng Quý	Cháu	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
55	Lê Thị Hường	1927	Xã Hoằng Đạo	Xã Hoằng Đạo	3042-3043	27/12/2023	Lê Nguyên Bình	Xã Hoằng Đạo	Con	18.000.000
56	Nguyễn Thị Cài	1932	Xã Hoằng Tân	Xã Hoằng Tân	1665	05/01/2024	Lê Mai Xuân	Xã Hoằng Tân	Con	18.000.000
57	Trịnh Văn Quảng	1933	Xã Hoằng Quý	Xã Hoằng Quý	39-41	24/01/2024	Lê Thị Thiệp	Xã Hoằng Quý	Vợ	18.000.000
58	Lê Minh Hưng	1952	Xã Hoằng Tiến	Xã Hoằng Tiến	469-470	02/01/2024	Kiều Duy Tùng	Xã Hoằng Tiến	Cháu	18.000.000
59	Lê Thị Thới	1933	Xã Hoằng Phú	Xã Hoằng Phú	3042-3043	31/12/2023	Lê Đình Du	Xã Hoằng Phú	Chồng	18.000.000
60	Nguyễn Thị Răm	1937	Xã Hoằng Lộc	Xã Hoằng Lộc	25	07/01/2024	Nguyễn Đình Quyết	Xã Hoằng Lộc	Con	18.000.000
61	Nguyễn Thị An	1940	Xã Hoằng Phụng	Xã Hoằng Phụng	2702-2704	09/01/2024	Nguyễn Đức Hùng	X. Hoằng Phụng	Con	18.000.000
62	Hoàng Thị Tập	1937	Xã Hoằng Lưu	Xã Hoằng Lưu	2527-2529	18/12/2023	Trương Văn Hoán	Xã Hoằng Lưu	Con	18.000.000
63	Bùi Khắc Thuần	1931	Xã Hoằng Lộc	Xã Hoằng Lộc	1635	29/01/2024	Bùi Khắc Khánh	Xã Hoằng Lộc	Con	18.000.000
64	Mai Thị Chới	1930	Xã Hoằng Cát	Xã Hoằng Cát	1493-1494	09/3/2024	Lê Thị Thảo	Xã Hoằng Cát	Con	18.000.000
65	Bạch Thị Dầm	1946	Xã Hoằng Đạt	Xã Hoằng Đạt	190	05/10/2021	Nguyễn Thị Hoa	Xã Hoằng Đạt	Con	14.900.000
66	Phạm Thị Trang	1933	Xã Hoằng Hà	Xã Hoằng Hà	711-924	02/3/2024	Lê Thị Thanh Hải	Xã Hoằng Hà	Con	18.000.000
67	Lê Thị Mọt	1935	Xã Hoằng Phú	Xã Hoằng Phú	3042-3043	18/3/2024	Lê Văn Hùng	Xã Hoằng Phú	Con	18.000.000
68	Lê Bảng Luân	1937	Xã Hoằng Hợp	Xã Hoằng Quỳ	2702-2704	23/01/2024	Đoàn Văn Bình	Xã Hoằng Quỳ	Con	18.000.000
69	Đoàn Thị Nhâm	1923	Xã Hoằng Quỳ	Xã Hoằng Quỳ	2019	25/12/2023	Hoàng Đình Tuyên	Xã Hoằng Quỳ	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
70	Nguyễn Hữu Xang	1917	Xã Hoàng Trạch	Xã Hoàng Trạch	469-470	29/01/2024	Nguyễn Hữu Sự	Xã Hoàng Trạch	Con	18.000.000
71	Lê Thị Miên	1922	Xã Hoàng Hợp	Xã Hoàng Hợp	25	16/3/2024	Lê Ngọc Hồng	Xã Hoàng Hợp	Con	18.000.000
72	Lê Văn Trung	1926	Xã Hoàng Thịnh	Xã Hoàng Thịnh	548	05/02/2024	Lê Đình Bảng	Xã Hoàng Thịnh	Con	18.000.000
73	Lê Thị Tinh	1933	Xã Hoàng Thịnh	Xã Hoàng Thịnh	185-186	12/02/2024	Lê Thị Cúc	Xã Hoàng Thịnh	Con	18.000.000
74	Vũ Thị Lênh	1943	Xã Hoàng Trung	Xã Hoàng Trung	1604-1605	05/3/2024	Đào Văn Dũng	Xã Hoàng Trung	Con	18.000.000
	Cộng: 74 ĐT									1.328.900.000
VIII	Huyện Thọ Xuân									
1	Lê Thị Sáu	1937	Xã Thọ Lộc	Xã Thọ Lộc	2702-2704	15/02/2024	Lê Văn Nam	Xã Thọ Lộc	Con	18.000.000
2	Phạm Thị Tuất	1930	Xã Thọ Lộc	Xã Thọ Lộc	25	08/01/2024	Lê Thị Liên	Xã Thọ Lộc	Con	18.000.000
3	Nguyễn Thị Sâm	1949	Xã Thọ Xương	Xã Thọ Xương	190	10/11/2021	Nguyễn Văn Hòa	Xã Thọ Xương	Con	14.900.000
4	Lê Thị Mai	1954	Xã Thọ Xương	Xã Thọ Xương	711-924	28/12/2023	Nguyễn Quang Thành	Xã Thọ Xương	Chồng	18.000.000
5	Trịnh Thị Dinh	1932	TTr Sao Vàng	TTr Sao Vàng	1604-1605	15/01/2024	Lê Văn Thuấn	TTr Sao Vàng	Con	18.000.000
6	Phạm Văn Nhi	1930	Xã Xuân Phú	Xã Xuân Phú	2702-2704	16/01/2024	Phạm Văn Anh	Xã Xuân Phú	Con	18.000.000
7	Lê Thị Môn	1932	Xã Xuân Hồng	Xã Xuân Phú	2702-2704	19/01/2024	Lê Ngọc Hiếu	Xã Xuân Phú	Con	18.000.000
8	Vũ Khắc Dự	1948	Xã Thuận Minh	Xã Thuận Minh	2702-2704	08/02/2024	Trịnh Thị Chinh	Xã Thuận Minh	Vợ	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
9	Hoàng Thị Na	1937	Xã Xuân Phong	Xã Xuân Phong	3029	09/01/2024	Lê Thị Thúy	Xã Xuân Phong	Con	18.000.000
10	Lê Thị Được	1917	Xã Xuân Phong	Xã Xuân Phong	3029	23/01/2024	Lê Viết Việt	Xã Xuân Phong	Con	18.000.000
11	Phạm Thị Bận	1933	Xã Xuân Phong	Xã Xuân Phong	1538	01/02/2024	Lê Văn Hòa	Xã Xuân Phong	Con	18.000.000
12	Lê Thị Như	1932	Xã Xuân Phong	Xã Xuân Phong	548	02/01/2024	Vũ Thị Hồng	Xã Xuân Phong	Con	18.000.000
13	Lê Thị Oanh	1930	Huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Xã Xuân Bái	25	29/12/2023	Trần Anh Dũng	Xã Xuân Bái	Con	18.000.000
14	Lê Thị Chuyển	1921	Xã Xuân Hưng	Xã Xuân Hưng	214	21/9/2023	Mai Ngọc Hạnh	Xã Xuân Hưng	Con	18.000.000
15	Hoàng Thị Kẹo	1927	Xã Thọ Lâm	Xã Thọ Lâm	2184	26/12/2023	Hoàng Thị Liên	Xã Thọ Lâm	Con	18.000.000
16	Đỗ Trọng Bao	1923	Xã Thọ Lâm	Xã Thọ Lâm	2184	05/12/2023	Đỗ Trọng Dung	Xã Thọ Lâm	Con	18.000.000
17	Phùng Thị Huệ	1930	Xã Thọ Lâm	Xã Thọ Lâm	1604-1605	13/12/2023	Lê Văn Ý	Xã Thọ Lâm	Chồng	18.000.000
18	Phạm Thị Thông	1927	Xã Thọ Lâm	Xã Thọ Lâm	1604-1605	21/12/2023	Lê Văn Dân	Xã Thọ Lâm	Con	18.000.000
19	Hoàng Xuân Tâm	1933	Xã Xuân Tân	Xã Trường Xuân	2702-2704	05/02/2024	Nguyễn Thị Lài	Xã Trường Xuân	Vợ	18.000.000
20	Lê Thị Cói	1924	Xã Bắc Lương	Xã Bắc Lương	1952	20/02/2024	Lê Đình Kim	Xã Bắc Lương	Con	18.000.000
21	Lưu Thị Chinh	1934	Xã Bắc Lương	Xã Bắc Lương	1281	05/02/2024	Phùng Xuân Minh	Xã Bắc Lương	Con	18.000.000
22	Trịnh Khắc Chung	1922	Xã Bắc Lương	Xã Bắc Lương	1952	20/12/2023	Trịnh Khắc Chương	Xã Bắc Lương	Con	18.000.000
23	Nguyễn Thị Nhị	1928	Xã Thọ Hải	Xã Thọ Hải	249	01/01/2024	Lê Văn Lương	Xã Thọ Hải	Con	18.000.000
24	Lê Thanh Cường	1931	Xã Thọ Hải	Xã Thọ Hải	711-924	26/12/2023	Lê Thị Bảy	Xã Thọ Hải	Vợ	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
25	Lê Thị Bảy	1930	Xã Thọ Hải	Xã Thọ Hải	249	12/02/2024	Nguyễn Thanh Bình	Xã Thọ Hải	Con	18.000.000
26	Lê Thị Điều	1931	Xã Thọ Hải	Xã Thọ Hải	548	30/12/2023	Lại Thị Hòa	Xã Thọ Hải	Con	18.000.000
27	Phạm Thị Điểm	1927	Xã Xuân Hồng	Xã Xuân Hồng	2019	14/10/2023	Lê Đắc Sơn	Xã Xuân Hồng	Con	18.000.000
28	Lê Thị Ngọc	1937	Xã Xuân Hồng	Xã Xuân Hồng	1604-1605	18/12/2023	Trịnh Vinh Sáng	Xã Xuân Hồng	Con	18.000.000
29	Trịnh Thị Phiên	1936	Xã Xuân Hồng	Xã Xuân Hồng	25	07/01/2024	Lê Xuân Chung	Xã Xuân Hồng	Con	18.000.000
30	Đỗ Thị Phúc	1927	Xã Xuân Trường	Xã Xuân Trường	25	02/02/2024	Đỗ Đình Côi	Xã Xuân Trường	Con	18.000.000
31	Đỗ Thị Giáp	1932	Xã Xuân Trường	Xã Xuân Trường	2280	08/01/2024	Đỗ Đình Hùng	Xã Xuân Trường	Con	18.000.000
32	Trịnh Thị Lợi	1924	Xã Xuân Tín	Xã Xuân Lập	1221-1223	08/01/2024	Hoàng Văn Lai	Xã Xuân Lập	Con	18.000.000
33	Đỗ Thị Hượng	1928	Xã Xuân Lập	Xã Xuân Lập	2527-2529	01/11/2023	Phạm Minh Hải	Xã Xuân Lập	Con	18.000.000
34	Nguyễn Thị Ới	1930	Xã Xuân Lập	Xã Xuân Lập	538	16/11/2023	Đỗ Minh Thật	Xã Xuân Lập	Con	18.000.000
35	Lê Thị Nhung	1934	Xã Phú Yên	Xã Phú Xuân	2702-2704	12/01/2024	Phạm Ngọc Hiền	Xã Phú Xuân	Con	18.000.000
36	Lê Thị Nhe	1931	Xã Phú Yên	Xã Phú Xuân	1281	28/12/2023	Lê Ngọc Giang	Xã Phú Xuân	Con	18.000.000
37	Lưu Thị Mụ	1935	Xã Xuân Yên	Xã Phú Xuân	1604-1605	02/11/2023	Trịnh Thị Hạnh	Xã Phú Xuân	Con	18.000.000
38	Lưu Thị Lựu	1922	Xã Xuân Thiên	Xã Xuân Thiên	1281	23/12/2023	Lê Khắc Ty	Xã Xuân Thiên	Con	18.000.000
39	Trần Văn Nhân	1923	Xã Xuân Thiên	Xã Xuân Thiên	2019	10/12/2023	Trần Văn Phụng	Xã Xuân Thiên	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
40	Nguyễn Thị Hợi	1932	Xã Xuân Thiên	Xã Xuân Thiên	2184	15/11/2023	Lê Văn Thọ	Xã Xuân Thiên	Con	18.000.000
41	Hồ Đắc Tường	1928	Xã Xuân Thiên	Xã Xuân Thiên	2702-2704	09/11/2023	Hồ Đắc Hậu	Xã Xuân Thiên	Con	18.000.000
42	Trịnh Duy Thanh	1955	Xã Xuân Tín	Xã Xuân Tín	2702-2704	31/01/2024	Trịnh Thị Thêu	Xã Xuân Tín	Vợ	18.000.000
43	Thái Thị Nôm	1934	Xã Xuân Tín	Xã Xuân Tín	214	13/01/2024	Hà Thị Duyên	Xã Xuân Tín	Con	18.000.000
44	Nguyễn Thị Nhi	1932	Xã Xuân Tín	Xã Xuân Tín	1635	30/11/2023	Lê Văn Sỹ	Xã Xuân Tín	Con	18.000.000
45	Đỗ Thị Tự	1924	Xã Xuân Hòa	Xã Xuân Hòa	2702-2704	15/01/2024	Lê Trọng Dương	Xã Xuân Hòa	Con	18.000.000
46	Nguyễn Xuân Sinh	1935	Xã Xuân Hòa	Xã Xuân Hòa	2702-2704	17/02/2024	Nguyễn Xuân Sâm	Xã Xuân Hòa	Con	18.000.000
47	Lê Thị Vích	1929	Xã Tây Hồ	Xã Tây Hồ	2184	29/11/2023	Lê Tiến Dũng	Xã Tây Hồ	Con	18.000.000
48	Lê Thị Hoan	1930	Xã Tây Hồ	Xã Tây Hồ	1493-1494	21/11/2023	Lê Duy Thọ	Xã Tây Hồ	Con	18.000.000
49	Trịnh Thị Nhân	1944	Xã Xuân Lai	Xã Xuân Lai	3029	28/01/2024	Nguyễn Thị Duyên	Xã Xuân Lai	Con	18.000.000
50	Hà Thị Bồng	1937	Xã Xuân Lai	Xã Xuân Lai	2702-2704	04/02/2024	Hà Xuân Quân	Xã Xuân Lai	Con	18.000.000
51	Hoàng Văn Phán	1930	Xã Xuân Sinh	Xã Xuân Sinh	2702-2704	10/01/2024	Hồ Thị Hồi	Xã Xuân Sinh	Vợ	18.000.000
52	Lê Thị Tạo	1930	TTr Lam Sơn	TTr Lam Sơn	214	05/02/2024	Lê Trọng Mong	TTr Lam Sơn	Con	18.000.000
53	Trần Thị Sáu	1932	Xã Thọ Lập	Xã Thọ Lập	538	30/12/2023	Lê Thị Thông	Xã Thọ Lập	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
54	Trần Thị Duyên	1928	Xã Thọ Lập	Xã Thọ Lập	249	14/02/2024	Trương Ngọc Bích	Xã Thọ Lập	Con	18.000.000
	Cộng: 54 ĐT									968.900.000
IX	Huyện Triệu Sơn									
1	Lê Thị Duyên	1940	Xã Thọ Dân	Xã Thọ Dân	469-470	23/11/2023	Trịnh Xuân Nghĩa	Xã Thọ Dân	Con	18.000.000
2	Đỗ Thị Mong	1929	Xã Đồng Tiến	xã Đồng Tiến	2019	13/02/2024	Đỗ Đức Vợn	Xã Đồng Tiến	Con	18.000.000
3	Nguyễn Văn Xin	1934	Xã Tiến Nông	Xã Tiến Nông	1052-1053	30/01/2024	Nguyễn Văn Ruyên	Xã Tiến Nông	Con	18.000.000
4	Phạm Thị Đón	1929	Xã Tiến Nông	Xã Tiến Nông	25	23/11/2023	Lê Văn Nguyên	Xã Tiến Nông	Con	18.000.000
5	Lê Thị Thoa	1932	Xã Tiến Nông	Xã Tiến Nông	25	05/02/2024	Nguyễn Văn Niêm	Xã Tiến Nông	Con	18.000.000
6	Lê Quang Đồng	1930	Xã Vân Sơn	Xã Vân Sơn	249	03/02/2024	Nguyễn Thị Tình	Xã Vân Sơn	Vợ	18.000.000
7	Nguyễn Thị Thắng	1930	Xã Vân Sơn	Xã Vân Sơn	711-924	20/02/2024	Thiều Ngọc Hoan	Xã Vân Sơn	Chồng	18.000.000
8	Lê Thị Bội	1933	Xã Xuân Lộc	Xã Xuân Lộc	711-924	07/02/2024	Phạm Đình Tuấn	Xã Xuân Lộc	Con	18.000.000
9	Lê Thị Thứ	1918	Xã Xuân Thịnh	Xã Xuân Thịnh	1952	02/10/2023	Hoàng Thị Liên	Xã Xuân Thịnh	Con	18.000.000
10	Lê Thị Nhân	1934	Xã Thọ Cường	Xã Thọ Cường	249	04/01/2024	Nguyễn Văn Hùng	Xã Thọ Cường	Con	18.000.000
11	Lê Thị Phước	1923	Xã Thọ Dân	Xã Xuân Thịnh	1421	18/01/2024	Hoàng Mỹ Hùng	Xã Xuân Thịnh	Con	18.000.000
12	Đào Thị Cầm	1931	Xã Dân Lý	Xã Dân Lý	2702-2704	28/12/2023	Đào Khả Lợi	Xã Dân Lý	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
13	Trần Thị Thu	1926	TTr Nưa	TTr Nưa	1774-1775	24/01/2024	Lê Đình Hùng	TTr Nưa	Con	18.000.000
14	Nguyễn Thị Tuyên	1940	TTr Nưa	TTr Nưa	3042-3043	06/01/2024	Lê Viết Long	TTr Nưa	Con	18.000.000
15	Lê Thị Nung	1930	Xã Đồng Lợi	Xã Đồng Lợi	2527-2529	08/12/2023	Lê Sỹ Tước	Xã Đồng Lợi	Chồng	18.000.000
16	Nguyễn Thị Thoa	1930	Huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	Xã Thọ Bình	1493-1494	14/11/2023	Nguyễn Thị Phương	Xã Thọ Bình	Con	18.000.000
17	Hoàng Văn Xuyên	1948	Xã Thọ Tiến	Xã Thọ Tiến	1493-1494	14/11/2023	Đào Thị Túy	Xã Thọ Tiến	Vợ	18.000.000
18	Phạm Thị Luyến	1930	Xã Thọ Tiến	Xã Thọ Tiến	1774-1775	01/02/2024	Lê Văn Phương	Xã Thọ Tiến	Con	18.000.000
19	Nguyễn Thị Chí	1930	Xã Thọ Tiến	Xã Thọ Tiến	1493-1494	02/01/2024	Trần Ngọc Thọ	Xã Thọ Tiến	Con	18.000.000
20	Trịnh Thị Nga	1936	Xã Thọ Tiến	Xã Thọ Tiến	2280	19/01/2024	Lê Đình Sơn	Xã Thọ Tiến	Con	18.000.000
21	Lê Thị Ô	1931	Xã Thọ Ngọc	Xã Thọ Ngọc	2702-2704	01/01/2024	Nguyễn Văn May	Xã Thọ Ngọc	Con	18.000.000
22	Hà Thị Tuất	1932	Xã Triệu Thành	Xã Triệu Thành	25	26/11/2023	Hà Thanh Trường	Xã Triệu Thành	Con	18.000.000
23	Nguyễn Văn Thuận	1924	Xã Hợp Thành	Xã Triệu Thành	1052-1053	28/12/2023	Nguyễn Thị Lê	Xã Triệu Thành	Cháu	18.000.000
24	Nguyễn Thị Huy	1955	Xã Triệu Thành	Xã Triệu Thành	2702-2704	09/12/2023	Phạm Thị Dịu	Xã Triệu Thành	Con	18.000.000
25	Lê Thị Mơ	1930	Xã Xuân Thịnh	Xã Xuân Thịnh	1421	21/3/2023	Lê Thị Tám	Xã Xuân Thịnh	Con	14.900.000
	Cộng: 25 DT									446.900.000
X	Huyện Nga Sơn									

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Ngô Thị Quyết	1932	Xã Nga Thạch	Xã Nga Thạch	2019	08/01/2024	Mai Văn Tứ	Xã Nga Thạch	Con	18.000.000
2	Mai Thọ Lộc	1939	Xã Nga Thiện	Xã Nga Thiện	1952	09/01/2024	Mai Đức Long	Xã Nga Thiện	Chồng	18.000.000
3	Mai Thị Thi	1934	Xã Nga Thiện	Xã Nga Thiện	548	17/01/2024	Mai Văn Lợi	Xã Nga Thiện	Con	18.000.000
4	Đinh Thị Nuôi	1942	Huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình	Xã Nga Thiện	3029	06/01/2024	Nguyễn Thị Chính	Xã Nga Thiện	Con	18.000.000
5	Nguyễn Bá Ứng	1921	Xã Nga An	Xã Nga An	1538	14/01/2024	Nguyễn Bá Huân	Xã Nga An	Con	18.000.000
6	Phạm Thị Huân	1926	Xã Nga An	Xã Nga An	1268	10/02/2024	Hà Thịnh Trọng	Xã Nga An	Con	18.000.000
7	Mai Thị Kim	1929	Xã Nga An	Xã Nga An	1774-1775	15/01/2024	Nghiêm Văn Thanh	Xã Nga An	Con	18.000.000
8	Phan Thị Thêm	1936	Xã Nga An	Xã Nga An	1774-1775	14/01/2024	Phạm Văn Vinh	Xã Nga An	Con	18.000.000
9	Lê Văn Sinh	1945	Xã Nga Thắng	Xã Nga Thắng	1952	18/01/2024	Vũ Thị Xét	Xã Nga Thắng	Vợ	18.000.000
10	Vũ Thị Hoãn	1935	Xã Nga Thắng	Xã Nga Thắng	25	17/12/2023	Lê Thế Lâm	Xã Nga Thắng	Chồng	18.000.000
11	Vũ Thị Khang	1928	Xã Nga Thắng	Xã Nga Thắng	711-924	28/12/2023	Nguyễn Duy Thực	Xã Nga Thắng	Con	18.000.000
12	Lưu Thị Quỳ	1925	Xã Nga Thắng	Xã Nga Thắng	2019	02/12/2023	Vũ Văn Chuyên	Xã Nga Thắng	Con	18.000.000
13	Mai Thị Thuần	1928	Xã Nga Phụng	Xã Nga Phụng	1665	29/11/2023	Phạm Văn Ninh	Xã Nga Phụng	Con	18.000.000
14	Mai Thị Lý	1945	Xã Nga Giáp	Xã Nga Giáp	25	31/12/2023	Nguyễn Đăng Trang	Xã Nga Giáp	Chồng	18.000.000
15	Nguyễn Văn Soái	1945	Xã Nga Giáp	Xã Nga Giáp	1952	31/12/2023	Trịnh Thị Việt	Xã Nga Giáp	Vợ	18.000.000
16	Trịnh Thị Téo	1929	Xã Ba Đình	Xã Ba Đình	2527-	28/12/2023	Hoàng Thị Hoa	Xã Ba Đình	Cháu	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
					2529					
17	Mai Văn Phúc	1950	Xã Nga Yên	Xã Nga Yên	711-924	25/12/2023	Mai Thị Xuân	Xã Nga Yên	Vợ	18.000.000
18	Mai Thị Vân	1936	Xã Nga Yên	Xã Nga Yên	548	13/01/2024	Mai Thị Vũ	Xã Nga Yên	Con	18.000.000
19	Phạm Thị Đài	1925	Xã Nga Yên	Xã Nga Yên	185-186	25/12/2023	Hoàng Văn Ty	Xã Nga Yên	Con	18.000.000
20	Trịnh Thị Nghĩ	1928	Xã Nga Yên	Xã Nga Yên	214	26/12/2023	Mai Văn Hải	Xã Nga Yên	Con	18.000.000
21	Lê Thị Đường	1916	Xã Nga Vịnh	Xã Nga Vịnh	3029	22/11/2023	Thịnh Văn Khoa	Xã Nga Vịnh	Con	18.000.000
22	Trần Văn Diện	1935	Xã Nga Thái	Xã Nga Thái	1635	26/12/2023	Trần Thị Lan	Xã Nga Thái	Vợ	18.000.000
23	Mai Thị Trân	1929	Xã Nga Hải	Xã Nga Hải	1281	19/01/2024	Cao Quốc Khánh	Xã Nga Hải	Con	18.000.000
24	Lã Thị Mút	1928	Xã Nga Văn	Xã Nga Văn	2019	01/12/2023	Lã Thị Lụa	Xã Nga Văn	Con	18.000.000
25	Nguyễn Thị Vĩnh	1939	Xã Nga Yên	Xã Nga Yên	214	11/01/2024	Mai Ngọc Linh	Xã Nga Yên	Con	18.000.000
26	Phạm Văn Miễn	1931	Xã Nga Hải	Xã Nga Thuỷ	1052-1053	25/01/2024	Phạm Văn Tuân	Xã Nga Thuỷ	Con	18.000.000
27	Nguyễn Thị Thuý	1917	Xã Nga Vịnh	Xã Nga Vịnh	1052-1053	01/9/2022	Mai Văn Trắc	Xã Nga Vịnh	Con	14.900.000
28	Phạm Thị Lý	1928	Xã Nga Thành	Xã Nga Thành	1952	20/01/2024	Mai Ngọc Đức	Xã Nga Thành	Con	18.000.000
29	Mai Đăng Tiến	1935	Xã Nga Yên	Xã Nga Yên	214	19/01/2024	Vũ Thị Lán	Xã Nga Yên	Vợ	18.000.000
30	Phạm Thị Kính	1931	Xã Nga Yên	Xã Nga Yên	214	29/02/2024	Mai Nhữ Hà	Xã Nga Yên	Con	18.000.000
31	Mai Thị Trường	1928	Xã Nga Yên	Xã Nga Yên	214	01/02/2024	Nguyễn Xuân Hải	Xã Nga Yên	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
32	Dương Đình Thảo	1937	Xã Nga Hưng	TTr Nga Sơn	2702-2704	26/01/2024	Đặng Thị Út	TTr Nga Sơn	Vợ	18.000.000
33	Mai Ngọc Lý	1947	Xã Nga Mỹ	TTr Nga Sơn	2702-2704	26/02/2024	Trần Thị Sót	TTr Nga Sơn	Vợ	18.000.000
34	Trương Thị Niên	1931	Xã Nga Yên	Xã Nga Tân	1052-1053	29/01/2024	Nguyễn Văn Dũng	Xã Nga Tân	Cháu	18.000.000
35	Vũ Thị Chiên	1929	Xã Nga Hải	Xã Nga Hải	2019	21/01/2024	Đặng Văn Kiên	Xã Nga Hải	Con	18.000.000
36	Mai Phi Thông	1938	Xã Nga Yên	Xã Nga Tân	2184	13/12/2023	Mai Phi Khải	Xã Nga Tân	Con	18.000.000
37	Nguyễn Thị Hiệng	1928	TTr Nga Sơn	Xã Nga Tân	3029	06/01/2024	Mai Thị Oanh	Xã Nga Tân	Con	18.000.000
38	Dương Thị Hợi	1923	Xã Nga Bạch	Xã Nga Bạch	214	18/02/2024	Trần Văn Tâm	Xã Nga Bạch	Con	18.000.000
39	Phạm Thị Kén	1946	Xã Nga Thanh	Xã Nga Thanh	185-186	24/02/2024	Trịnh Thị Uyên	Xã Nga Thanh	Con	18.000.000
40	Dương Xuân Chắt	1949	Xã Nga Hải	Xã Nga Hải	1281	04/02/2024	Dương Xuân Toàn	Xã Nga Hải	Con	18.000.000
41	Phạm Thị Hành	1920	Xã Nga Trung	Xã Nga Trung	711-924	31/01/2024	Nguyễn Quang Khải	Xã Nga Trung	Con	18.000.000
42	Mai Xuân Hồng	1952	Xã Nga Trung	Xã Nga Trung	249	03/01/2024	Mai Thị Thanh	Xã Nga Trung	Vợ	18.000.000
43	Mai Thị Hoa	1936	Xã Nga Thái	Xã Nga Thái	185-186	24/02/2024	Nguyễn Văn Đức	Xã Nga Thái	Con	18.000.000
44	Phạm Thị Mỹ	1941	Xã Nga Phụng	Xã Nga Phụng	249	08/01/2024	Nguyễn Trường Giang	Xã Nga Phụng	Con	18.000.000
45	Mai Thị Đầy	1927	TTr Nga Sơn	TTr Nga Sơn	2019	27/3/2024	Mai Văn Chương	TTr Nga Sơn	Con	18.000.000
46	Lê Văn Tương	1947	Xã Nga Phụng	Xã Nga Phụng	2019	05/02/2024	La Thị Lài	Xã Nga Phụng	Vợ	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
47	Phạm Thị Sử	1926	Xã Nga Trường	Xã Nga Trường	2019	25/12/2023	Trần Đức Cường	Xã Nga Trường	Con	18.000.000
48	Mai Thị Nhâm	1918	Xã Nga An	Xã Nga An	3029	17/01/2024	Mai Thị Hương	Xã Nga An	Con	18.000.000
49	Nguyễn Đình Úc	1933	Xã Ba Đình	Xã Ba Đình	3029	26/01/2024	Nguyễn Đình Nhân	Xã Ba Đình	Con	18.000.000
50	Nguyễn Thị Ngó	1942	Xã Ba Đình	Xã Ba Đình	2527-2529	26/02/2024	Nguyễn Hữu Tính	Xã Ba Đình	Con	18.000.000
51	Mai Thị Liệu	1931	Xã Nga Thành	Xã Nga Tiến	2019	11/3/2024	Vũ Văn Liên	Xã Nga Tiến	Con	18.000.000
52	Mai Thị Moi	1933	Xã Nga Thạch	Xã Nga Thạch	2527-2529	24/02/2024	Ngô Văn Hùng	Xã Nga Thạch	Con	18.000.000
53	Hà Thị Triêm	1938	Xã Nga Giáp	Xã Nga Giáp	214	05/12/2023	Phạm Văn Chung	Xã Nga Giáp	Con	18.000.000
	Cộng: 53 ĐT									950.900.000
XI	Huyện Nông Cống									
1	Lê Thị Ngọc	1932	Xã Tân Thọ	Xã Tân Thọ	2184	12/01/2024	Nguyễn Đình Dũng	Xã Tân Thọ	Con	18.000.000
2	Lê Gia Thiêm	1942	Xã Tân Khang	Xã Tân Khang	185-186	20/12/2023	Đỗ Thị Nền	Xã Tân Khang	Vợ	18.000.000
3	Lường Thị Thắng	1926	Xã Tân Thọ	Xã Tân Thọ	2184	04/01/2024	Nguyễn Thị Nhân	Xã Tân Thọ	Con	18.000.000
4	Đỗ Thị Khả	1934	Xã Tân Thọ	Xã Tân Khang	1281	15/02/2024	Lê Văn Hòa	Xã Tân Khang	Con	18.000.000
5	Nguyễn Thị Thường	1921	Xã Tân Khang	Xã Tân Khang	1493-1494	27/12/2023	Lê Thanh Sơn	Xã Tân Khang	Cháu	18.000.000
6	Lê Thị Từ	1934	Xã Tân Khang	Xã Tân Khang	1635	11/01/2024	Nguyễn Hữu Thành	Xã Tân Khang	Con	18.000.000
7	Nguyễn Thị Khây	1923	Xã Tân Khang	Xã Tân Khang	1493-1494	22/01/2024	Nguyễn Thị Lý	Xã Tân Khang	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
8	Lê Thị Thái	1924	Xã Tân Khang	Xã Tân Khang	1493-1494	11/02/2024	Lê Đức Xuân	Xã Tân Khang	Con	18.000.000
9	Lê Thị Thủy	1931	Xã Trung Chính	Xã Trung Chính	185-186	02/01/2024	Đinh Thị Diện	Xã Trung Chính	Con	18.000.000
10	Nguyễn Thị Bưởi	1923	Xã Trung Chính	Xã Trung Chính	2019	09/12/2023	Lê Thị Phương	Xã Trung Chính	Con	18.000.000
11	Phạm Thị Kết	1932	Xã Trung Chính	Xã Trung Chính	1604-1605	01/02/2024	Vũ Đình Hợi	Xã Trung Chính	Con	18.000.000
12	Lê Thị Nhũ	1932	Xã Trung Thành	Xã Trung Thành	1665	10/10/2023	Lê Huy Quang	Xã Trung Thành	Con	18.000.000
13	Lê Thị Xéch	1932	Xã Hoàng Sơn	Xã Hoàng Sơn	711-924	30/01/2024	Lê Trần Thanh	Xã Hoàng Sơn	Con	18.000.000
14	Lê Thị Bảy	1926	Xã Hoàng Sơn	Xã Hoàng Sơn	1635	10/01/2024	Lê Nguyên Nghị	Xã Hoàng Sơn	Con	18.000.000
15	Lê Trọng Hằng	1930	Xã Hoàng Giang	Xã Hoàng Giang	2527-2529	04/12/2023	Lê Thị Xang	Xã Hoàng Giang	Vợ	18.000.000
16	Đinh Thị Như	1927	Xã Tế Thắng	Xã Tế Thắng	1221-1223	04/11/2023	Đỗ Đăng Tuấn	Xã Tế Thắng	Con	18.000.000
17	Nguyễn Thị Bơn	1931	Xã Tế Nông	Xã Tế Nông	711-924	11/01/2024	Nguyễn Văn Gai	Xã Tế Nông	Chồng	18.000.000
18	Lê Thị Thềm	1921	Xã Tế Nông	Xã Tế Nông	25	10/01/2024	Trịnh Thị Cư	Xã Tế Nông	Con	18.000.000
19	Bùi Thị Ngát	1942	Xã Tế Nông	Xã Tế Nông	2019	06/02/2024	Nguyễn Văn Sơn	Xã Tế Nông	Con	18.000.000
20	Nguyễn Thị Trí	1934	Xã Minh Khôi	Xã Minh Khôi	3029	12/02/2024	Lê Thị Thao	Xã Minh Khôi	Con	18.000.000
21	Nguyễn Thị Đình	1934	Xã Vạn Thắng	Xã Vạn Thắng	1493-1494	15/01/2024	Trịnh Duy Đối	Xã Vạn Thắng	Con	18.000.000
22	Hoàng Văn Tịch	1933	Xã Vạn Thắng	Xã Vạn Thắng	1665	21/02/2024	Lê Thị Diễm	Xã Vạn Thắng	Vợ	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
23	Đỗ Thị Chinh	1941	Xã Vạn Hòa	Xã Vạn Hòa	2527-2529	10/02/2024	Nguyễn Minh Khuê	Xã Vạn Hòa	Con	18.000.000
24	Lê Thị Miến	1933	Xã Vạn Thiện	Xã Vạn Thiện	2527-2529	04/12/2023	Lê Thị Hương	Xã Vạn Thiện	Con	18.000.000
25	Nguyễn Thị Sặng	1931	Xã Vạn Thiện	Xã Vạn Thiện	2527-2529	03/4/2023	Nguyễn Thị Vân	Xã Vạn Thiện	Con	14.900.000
26	Phạm Đức Dụng	1940	Xã Vạn Thiện	Xã Vạn Thiện	2184	19/9/2023	Nguyễn Thị Tâm	Xã Vạn Thiện	Con	18.000.000
27	Phạm Bá Đôn	1938	Xã Thăng Long	Xã Thăng Long	1952	05/02/2024	Phạm Bá Tĩnh	Xã Thăng Long	Con	18.000.000
28	Nguyễn Thị Việt	1928	Xã Thăng Thọ	Xã Thăng Thọ	185-186	16/10/2023	Lê Trung Ý	Xã Thăng Thọ	Con	18.000.000
29	Trương Thị Sính	1929	Xã Thăng Bình	Xã Thăng Bình	2702-2704	31/01/2024	Lê Thị Thông	Xã Thăng Bình	Con	18.000.000
30	Trần Thị Chức	1951	Xã Công Liêm	Xã Công Liêm	1952	29/12/2023	Nguyễn Ngọc Anh	Xã Công Liêm	Con	18.000.000
31	Trần Thị Đông	1924	Xã Công Liêm	Xã Công Liêm	711-924	27/01/2024	Đào Công Khánh	Xã Công Liêm	Con	18.000.000
32	Lê Thị Vạy	1929	Xã Công Liêm	Xã Công Liêm	1421	21/11/2023	Lê Tiến Thành	Xã Công Liêm	Con	18.000.000
33	Mạch Văn Dắt	1929	Xã Công Liêm	Xã Công Liêm	1635	10/01/2024	Mạch Văn Luyến	Xã Công Liêm	Con	18.000.000
34	Trần Thị Truyền	1925	Xã Công Liêm	Xã Công Chính	249	05/02/2024	Lê Văn Hân	Xã Công Chính	Con	18.000.000
35	Lê Thị Tri	1922	Xã Công Chính	Xã Công Chính	249	18/02/2024	Nguyễn Đình Môn	Xã Công Chính	Con	18.000.000
36	Nguyễn Văn Viết	1931	Xã Công Chính	Xã Công Chính	1665	24/01/2024	Nguyễn Văn Thiện	Xã Công Chính	Con	18.000.000
37	Nguyễn Thị Chọn	1930	Xã Trường Minh	Xã Trường Minh	1052-1053	19/02/2024	Trần Văn Ban	Xã Trường Minh	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
38	Nguyễn Thị Trung	1941	Xã Trường Minh	Xã Trường Minh	1281	25/02/2024	Nguyễn Thị Hường	Xã Trường Minh	Con	18.000.000
39	Lường Thị Khoái	1954	Xã Trường Minh	Xã Trường Minh	2527-2529	05/01/2024	Trịnh Ngọc Linh	Xã Trường Minh	Cháu	18.000.000
40	Nguyễn Thị Khả	1944	Xã Trường Sơn	Xã Trường Minh	190	22/3/2023	Hoàng Văn Viễn	Xã Trường Minh	Chồng	14.900.000
41	Nguyễn Thị Phiến	1923	Xã Trường Trung	Xã Trường Trung	1665	03/12/2023	Trần Văn Tiệp	Xã Trường Trung	Con	18.000.000
42	Trần Thị Bê	1922	Xã Trường Trung	Xã Trường Trung	2019	19/02/2023	Tổng Xuân Huân	Xã Trường Trung	Con	14.900.000
43	Trần Thị Yến	1923	Xã Trường Trung	Xã Trường Trung	711-924	21/12/2023	Nguyễn Văn Trị	Xã Trường Trung	Con	18.000.000
44	Nguyễn Thị Chung	1921	Xã Trường Sơn	Xã Trường Sơn	1493-1494	22/11/2023	Nguyễn Văn Tâm	Xã Trường Sơn	Con	18.000.000
45	Nguyễn Thị Thúc	1930	Xã Trường Sơn	Xã Trường Sơn	1665	18/02/2024	Cao Đình Thiệu	Xã Trường Sơn	Con	18.000.000
46	Nguyễn Thị Trà	1925	Xã Tượng Lĩnh	Xã Tượng Lĩnh	1952	29/01/2024	Nguyễn Thị Mười	Xã Tượng Lĩnh	Con	18.000.000
47	Nguyễn Như Định	1949	Xã Tượng Lĩnh	Xã Tượng Lĩnh	2527-2529	13/01/2024	Nguyễn Thị Hồng	Xã Tượng Lĩnh	Vợ	18.000.000
48	Lê Thị Vân	1929	Xã Tượng Lĩnh	Xã Tượng Lĩnh	1604-1605	20/12/2023	Bùi Thị Nhân	Xã Tượng Lĩnh	Con	18.000.000
49	Trần Công Vực	1929	Xã Anh Sơn, thị xã Nghi Sơn	Xã Yên Mỹ	2527-2529	03/01/2024	Trần Công Tuất	Xã Yên Mỹ	Con	18.000.000
50	Lê Thị Duyên	1934	Xã Tân Thọ	Xã Tân Khang	711-924	28/02/2024	Viên Hữu Sâm	Xã Tân Khang	Con	18.000.000
51	Lê Thế Dài	1932	Xã Tân Khang	Xã Tân Khang	2527-2529	09/3/2024	Lê Thế Ca	Xã Tân Khang	Con	18.000.000
52	Lê Thị Cửu	1933	Xã Trung Chính	Xã Trung Chính	2527-2529	17/3/2024	Bùi Viết Năm	Xã Trung Chính	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
53	Phạm Thị Sói	1929	Xã Hoàng Giang	Xã Hoàng Giang	2527-2529	19/02/2024	Lê Trọng Đào	Xã Hoàng Giang	Con	18.000.000
54	Lê Thị Định	1934	Xã Hoàng Giang	Xã Hoàng Giang	2527-2529	07/02/2024	Nguyễn Văn Khánh	Xã Hoàng Giang	Cháu	18.000.000
55	Nguyễn Thị Quây	1932	X. Hoằng Thành, huyện Hoằng Hóa	Xã Tế Thắng	1421	28/01/2024	Trần Văn Khương	Xã Tế Thắng	Con	18.000.000
56	Trịnh Thị Trinh	1934	Xã Tế Thắng	Xã Tế Thắng	1221-1223	05/12/2023	Lê Xuân Chiến	Xã Tế Thắng	Con	18.000.000
57	Bùi Văn Thúc	1924	Xã Tế Lợi	Xã Tế Lợi	25	05/01/2024	Bùi Văn Tuy	Xã Tế Lợi	Con	18.000.000
58	Lê Thị Mờm	1930	Xã Tế Lợi	Xã Tế Lợi	25	06/3/2024	Trần Văn Tĩnh	Xã Tế Lợi	Con	18.000.000
59	Đổng Thị Chiến	1933	Xã Tế Lợi	Xã Tế Lợi	249	10/3/2024	Đỗ Văn Đại	Xã Tế Lợi	Con	18.000.000
60	Bùi Thị Giori	1929	Xã Tế Lợi	Xã Tế Lợi	25	30/01/2024	Lê Văn Hanh	Xã Tế Lợi	Con	18.000.000
61	Lê Thị Tôn	1939	Xã Tế Lợi	Xã Tế Lợi	2527-2529	05/02/2024	Đặng Viết Chón	Xã Tế Lợi	Chồng	18.000.000
62	Lê Thị Văn	1932	Xã Hoằng Phụ, huyện Hoằng Hóa	Xã Minh Khôi	2702-2704	08/3/2024	Nguyễn Quốc Ngà	Xã Minh Khôi	Con	18.000.000
63	Lê Văn Chế	1925	Xã Minh Khôi	Xã Minh Khôi	692	08/01/2024	Lê Văn Chánh	Xã Minh Khôi	Con	18.000.000
64	Nguyễn Thị Vĩnh	1930	Xã Minh Nghĩa	Xã Minh Nghĩa	3029	03/3/2024	Trịnh Duy Cầu	Xã Minh Nghĩa	Con	18.000.000
65	Đỗ Thị Thái	1950	Xã Minh Nghĩa	Xã Minh Nghĩa	25	16/01/2024	Trần Văn Diễm	Xã Minh Nghĩa	Chồng	18.000.000
66	Trịnh Duy Hải	1940	Xã Vạn Thắng	Xã Vạn Thắng	2527-2529	13/3/2024	Nguyễn Thị Tân	Xã Vạn Thắng	Vợ	18.000.000
67	Lê Thị Hẹn	1928	Xã Vạn Hòa	Xã Vạn Hòa	3454	27/02/2024	Lê Văn Tùng	Xã Vạn Hòa	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
68	Nguyễn Thị Tính	1931	Xã Vạn Hòa	Xã Vạn Hòa	1221-1223	28/02/2024	Lê Trọng Y	Xã Vạn Hòa	Chồng	18.000.000
69	Đông Khắc Hường	1931	Xã Vạn Thiện	Xã Vạn Thiện	1493-1494	01/01/2024	Đông Khắc Minh	Xã Vạn Thiện	Con	18.000.000
70	Trần Thị Von	1928	Xã Vạn Thiện	Xã Vạn Thiện	1493-1494	10/12/2023	Lê Trạc Bàn	Xã Vạn Thiện	Con	18.000.000
71	Bùi Thị Nghĩa	1931	Xã Hoằng Thái, huyện Hoằng Hóa	Xã Công Liêm	1421	07/02/2024	Lê Văn Thắng	Xã Công Liêm	Con	18.000.000
72	Nguyễn Thị Khoanh	1921	Xã Trường Trung	Xã Trường Trung	2527-2529	06/02/2024	Phạm Văn Hùng	Xã Trường Trung	Con	18.000.000
73	Nguyễn Thị Lái	1928	Xã Trường Trung	Xã Trường Trung	1493-1494	07/3/2024	Nguyễn Đình Quân	Xã Trường Trung	Con	18.000.000
74	Nguyễn Thị Thuyên	1950	Xã Tượng Sơn	Xã Tượng Sơn	25	24/02/2024	Nguyễn Thị Hiền	Xã Tượng Sơn	Cháu	18.000.000
75	Nguyễn Thị Hầy	1955	Xã Tượng Lĩnh	Xã Tượng Lĩnh	2527-2529	18/02/2024	Hoàng Ngọc Bích	Xã Tượng Lĩnh	Chồng	18.000.000
76	Trần Thị Kẽm	1922	TTr Nông Cống	TTr. Nông Cống	2527-2529	01/02/2024	Lê Duy Hiếu	TTr. Nông Cống	Con	18.000.000
77	Lê Thị Căng	1933	Xã Thăng Thọ	TTr. Nông Cống	1635	22/01/2024	Lê Đức Sĩ	TTr. Nông Cống	Con	18.000.000
78	Trần Thị Biên	1929	TTr Nông Cống	TTr. Nông Cống	1604-1605	04/02/2024	Hoàng Thị Chân	TTr. Nông Cống	Con	18.000.000
79	Lê Duy Nghĩa	1930	Xã Tân Thọ	Xã Tân Thọ	2184	23/3/2024	Lê Duy Tình	Xã Tân Thọ	Con	18.000.000
80	Lê Thị Đức	1922	Xã Tân Thọ	Xã Tân Thọ	3029	25/3/2024	Nguyễn Văn Xuân	Xã Tân Thọ	Con	18.000.000
81	Lê Thị Vương	1920	Xã Tân Phúc	Xã Tân Phúc	185-186	13/3/2024	Lê Bá Được	Xã Tân Phúc	Con	18.000.000
82	Hoàng Thị Tuyết	1930	Xã Tân Khang	Xã Tân Khang	1493-1494	19/3/2024	Lê Thanh Hưng	Xã Tân Khang	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
83	Đỗ Văn Cúc	1925	Xã Tân Khang	Xã Tân Khang	1493-1494	08/4/2024	Viên Thị Là	Xã Tân Khang	Con	18.000.000
84	Nguyễn Thị Lôi	1928	Xã Trung Chính	Xã Trung Chính	3042-3043	01/4/2024	Lê Đình Xoan	Xã Trung Chính	Con	18.000.000
85	Nguyễn Thị Ёn	1931	Xã Trung Thành	Xã Trung Thành	1665	04/4/2024	Phạm Thị Hòa	Xã Trung Thành	Con	18.000.000
86	Lê Văn Lọng	1944	Xã Hoàng Giang	Xã Hoàng Giang	1604-1605	09/4/2024	Nguyễn Thị Hải	Xã Hoàng Giang	Vợ	18.000.000
87	Lê Thị Nở	1932	Xã Hoàng Sơn	Xã Hoàng Sơn	1665	02/3/2024	Thiều Quốc Phong	Xã Hoàng Sơn	Con	18.000.000
88	Nguyễn Thị Xinh	1951	Xã Tế Thắng	Xã Tế Thắng	3454	08/4/2024	Lê Văn Đương	Xã Tế Thắng	Chồng	18.000.000
89	Lê Trọng Độ	1950	Xã Tế Lợi	Xã Tế Lợi	2527-2529	27/01/2024	Đỗ Thị Tân	Xã Tế Lợi	Vợ	18.000.000
90	Lê Xuân Luận	1924	Xã Tế Nông	Xã Tế Nông	711-924	03/4/2024	Đỗ Thị Mạу	Xã Tế Nông	Vợ	18.000.000
91	Nguyễn Thị Kinh	1923	Xã Tế Nông	Xã Tế Nông	249	24/02/2024	Lê Văn Dũng	Xã Tế Nông	Con	18.000.000
92	Nguyễn Thị Miêng	1925	Xã Thăng Long	Xã Thăng Long	3042-3043	13/3/2024	Đỗ Văn Tấn	Xã Thăng Long	Con	18.000.000
93	Mạch Thị Vẹn	1937	Xã Công Liêm	Xã Công Liêm	1952	10/3/2024	Mạch Thị Lan	Xã Công Liêm	Con	18.000.000
94	Trần Thị Chấm	1945	Xã Trường Sơn	Xã Trường Sơn	1604-1605	28/3/2024	Vũ Văn Long	Xã Trường Sơn	Con	18.000.000
95	Nguyễn Thị Truật	1941	Xã Trường Sơn	Xã Trường Sơn	25	11/4/2024	Cao Thị Thành	Xã Trường Sơn	Con	18.000.000
96	Nguyễn Văn Hy	1926	Xã Trường Minh	Xã Trường Minh	1604-1605	22/12/2023	Nguyễn Mai Hương	TTr Nông Cống	Cháu	18.000.000
97	Nguyễn Văn Khắc	1929	Xã Trường Giang	Xã Trường Giang	185-186	30/12/2023	Nguyễn Thị Thiệu	Xã Trường Giang	Vợ	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Cộng: 97 ĐT									1.736.700.000
XII	Huyện Cẩm Thủy									
1	Trương Thị Dậu	1927	Xã Cẩm Vân	Xã Cẩm Vân	25	05/02/2024	Phạm Thị Hải	Xã Cẩm Vân	Con	18.000.000
2	Bùi Thi Nhâu	1936	Xã Cẩm Thạch	Xã Cẩm Thạch	3029	29/12/2023	Lê Văn Ninh	Xã Cẩm Thạch	Chồng	18.000.000
3	Phan Thị Thủy	1945	Xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa	Xã Cẩm Thạch	25	27/12/2023	Phan Thị Lệ	Xã Cẩm Thạch	Con	18.000.000
4	Phạm Văn Oanh	1934	Xã Cẩm Bình	Xã Cẩm Bình	2184	26/01/2024	Hà Thị Lịch	Xã Cẩm Bình	Vợ	18.000.000
5	Triệu Thị Nảy	1938	Xã Cẩm Châu	Xã Cẩm Châu	1635	12/02/2024	Bàn Văn Sửu	Xã Cẩm Châu	Con	18.000.000
6	Cao Thị Bốn	1932	Xã Cẩm Tú	Xã Cẩm Quý	25	27/01/2024	Cao Đình Quyền	Xã Cẩm Quý	Cháu	18.000.000
7	Cao Văn Kỳ	1931	Xã Cẩm Quý	Xã Cẩm Quý	1774-1775	15/02/2024	Cao Văn Khuyến	Xã Cẩm Quý	Con	18.000.000
8	Quách Thị Hân	1942	Xã Cẩm Tú	Xã Cẩm Tú	711-924	07/01/2024	Trương Hạnh Phúc	Xã Cẩm Tú	Chồng	18.000.000
9	Lê Thị Phương	1923	Xã Hưng Lộc, huyện Hậu Lộc	Xã Cẩm Tú	214	21/02/2024	Nguyễn Hoàng Thiệu	Xã Cẩm Tú	Con	18.000.000
10	Phạm Thị Thán	1930	Xã Cẩm Yên	Xã Cẩm Yên	2280	08/12/2023	Bùi Ngọc Phan	Xã Cẩm Yên	Cháu	18.000.000
11	Lường Thị Duyên	1931	Xã Cẩm Tân	Xã Cẩm Tân	2702-2704	11/12/2023	Lường Văn Lỡ	Xã Cẩm Tân	Con	18.000.000
12	Lê Thị Tùng	1930	Xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân	TTr. Phong Sơn	538	29/01/2024	Lại Xuân Mơ	TTr. Phong Sơn	Con	18.000.000
13	Bùi Chí Mai	1934	Xã Cẩm Phong	TTr. Phong Sơn	3029	28/01/2024	Bùi Văn Ngọc	TTr. Phong Sơn	Cháu	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
14	Trịnh Thị Thìn	1940	Huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	TTr. Phong Sơn	1952	02/3/2024	Trần Mạnh Hùng	TTr. Phong Sơn	Con	18.000.000
15	Phạm Thị Kín	1939	Xã Cẩm Thạch	Xã Cẩm Lương	214	24/12/2023	Nguyễn Văn Thương	Xã Cẩm Lương	Con	18.000.000
16	Phạm Thị Di	1924	Xã Cẩm Liên	Xã Cẩm Liên	25	24/02/2024	Bùi Văn Hào	Xã Cẩm Liên	Con	18.000.000
17	Phạm Thị Xuân	1937	Xã Cẩm Yên	Xã Cẩm Yên	2280	11/12/2023	Trương Công Liên	Xã Cẩm Yên	Con	18.000.000
18	Nguyễn Văn Phúc	1924	Xã Cẩm Vân	Xã Cẩm Vân	469-470	30/01/2024	Nguyễn Văn Lực	Xã Cẩm Vân	Con	18.000.000
19	Bùi Ca Giao	1932	Xã Cẩm Phú	Xã Cẩm Long	25	23/11/2023	Trương Thị Niên	Xã Cẩm Long	Con	18.000.000
	Cộng: 19 DT									342.000.000
XIII	Huyện Thạch Thành									
1	Lê Thị Rô	1933	Xã Thạch Long	Xã Thạch Long	1774-1775	21/10/2023	Trịnh Thị Thảo	Xã Thạch Long	Con	18.000.000
2	Nguyễn Thị Lự	1938	Xã Thạch Định	Xã Thạch Định	1952	20/8/2023	Trương Đình Tám	Xã Thạch Định	Con	18.000.000
3	Lê Thị Thị	1934	P. Tào Xuyên, TP Thanh Hóa	Xã Thạch Sơn	2702-2704	01/02/2024	Lê Văn Thê	Xã Thạch Sơn	Chồng	18.000.000
4	Cao Thị Thông	1932	Xã Cẩm Quý, huyện Cẩm Thủy	Xã Thạch Cẩm	2184	20/10/2023	Nguyễn Thành Công	Xã Thạch Cẩm	Con	18.000.000
5	Trương Thị Đa	1923	Xã Thành Trục	Xã Thành Trục	711-924	27/9/2023	Đỗ Xuân Nguyên	Xã Thành Trục	Con	18.000.000
6	Nguyễn Thị Mùi	1929	Xã Thành Trục	Xã Thành Trục	1665	13/11/2023	Đình Quang Vinh	Xã Thành Trục	Con	18.000.000
7	Bùi Thị Thái	1927	Xã Thành Trục	Xã Thành Trục	2527-2529	23/6/2023	Nguyễn Thị Bảy	Xã Thành Trục	Con	14.900.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
8	Trương Trụ	1933	Xã Thành Minh	Xã Thành Minh	2527-2529	21/8/2023	Trương Quốc Văn	Xã Thành Minh	Con	18.000.000
9	Bùi Thị Đình	1936	Xã Thành Minh	Xã Thành Minh	2527-2529	12/8/2023	Hà Văn Thắm	Xã Thành Minh	Con	18.000.000
10	Đinh Thị Vạn	1933	Xã Thành Long	Xã Thành Long	1604-1605	23/6/2023	Phạm Huy Cao	Xã Thành Long	Con	14.900.000
11	Quách Thị Chanh	1925	Xã Thành Long	Xã Thành Long	1538	21/6/2023	Bùi Thị Xiết	Xã Thành Long	Con	14.900.000
12	Đinh Thị In	1930	Xã Thành Long	Xã Thành Long	1635	19/7/2023	Nguyễn Hữu Hạnh	Xã Thành Long	Con	18.000.000
13	Trịnh Thị Nguyệt	1929	Xã Thành Tiến	Xã Thành Tiến	1604-1605	01/02/2024	Nguyễn Văn Hùng	Xã Thành Tiến	Con	18.000.000
14	Phạm Văn Cẩn	1924	TTr Kim Tân	TTr Kim Tân	214	24/9/2023	Phạm Văn Cung	TTr Kim Tân	Con	18.000.000
15	Nguyễn Thị Gác	1929	TTr Kim Tân	TTr Kim Tân	2184	16/11/2023	Nguyễn Thị Hà	TTr Kim Tân	Con	18.000.000
16	Ngô Văn Uyên	1933	Xã Lộc Tân, huyện Hậu Lộc	Xã Thành Thọ	2702-2704	02/01/2024	Ngô Văn Linh	Xã Thành Thọ	Con	18.000.000
17	Lưu Thị Quấn	1930	Xã Thạch Bình	Xã Thạch Bình	2184	25/01/2024	Lưu Văn Tuấn	Xã Thạch Bình	Con	18.000.000
18	Bùi Thị Khuyết	1932	Xã Thành Tâm	Xã Thành Tâm	249	08/12/2023	Quách Văn Thiện	Xã Thành Tâm	Con	18.000.000
	Cộng: 18 ĐT									314.700.000
XIV	Huyện Ngọc Lặc									
1	Lê Viết Lữ	1930	Xã Thuận Minh, huyện Thọ Xuân	TTr. Ngọc Lặc	2702-2704	03/02/2024	Lê Viết Thuật	TTr, Ngọc Lặc	Con	18.000.000
2	Cao Văn Quý	1945	Xã Ngọc Sơn	Xã Ngọc Sơn	711-924	29/01/2024	Lê Thị Vĩnh	Xã Ngọc Sơn	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
3	Phạm Thị Định	1939	Xã Mỹ Tân	Xã Mỹ Tân	1538	27/02/2024	Phạm Đức Lâm	Xã Mỹ Tân	Con	18.000.000
4	Nguyễn Đình Bá	1930	Xã Phú Yên, huyện Thọ Xuân	Xã Quang Trung	1604-1605	28/3/2024	Nguyễn Văn Lâm	Xã Quang Trung	Con	18.000.000
5	Bùi Văn Thạch	1939	Xã Quang Trung	Xã Quang Trung	1227	20/02/2024	Bùi Thị Lương	Xã Quang Trung	Con	18.000.000
6	Lưu Vĩnh Cừ	1933	Xã Quang Trung	Xã Quang Trung	2527-2529	17/01/2024	Phạm Thị Hợp	Xã Quang Trung	Con	18.000.000
7	Phạm Thị Kim	1927	Xã Quang Trung	Xã Quang Trung	2184	17/01/2024	Lê Thị Mão	Xã Quang Trung	Cháu	18.000.000
8	Nguyễn Thị Mút	1928	Xã Tân Châu, huyện Thiệu Hóa	Xã Phùng Minh	711-924	16/12/2023	Quản Thị Hoa	Xã Phùng Minh	Con	18.000.000
9	Bùi Thị Công	1952	Xã Cao Thịnh	Xã Cao Thịnh	2184	06/3/2023	Bùi Văn Doanh	Xã Cao Thịnh	Con	14.900.000
10	Mai Thị Moi	1924	Xã Nga Mỹ	TTr Ngọc Lặc	2702-2074	03/3/2024	Trịnh Việt Hồng	TTr Ngọc Lặc	Con	18.000.000
	Cộng: 10 DT									176.900.000
XV	Huyện Yên Định									
1	Trịnh Thị Bình	1929	Xã Yên Hùng	Xã Yên Hùng	49	08/11/2023	Trịnh Văn Hưng	Xã Yên Hùng	Con	18.000.000
2	Trịnh Thị Thanh	1952	Xã Yên Trung	Xã Yên Trung	249	13/12/2023	Trịnh Thị Vân	Xã Yên Trung	Cháu	18.000.000
3	Trịnh Thị Báo	1930	Xã Yên Trung	Xã Yên Trung	190	09/4/2022	Trịnh Thị Sâm	Xã Yên Trung	Con	14.900.000
4	Đỗ Thị Lan	1931	TTr. Quý Lộc	TTr. Quý Lộc	2702-2704	15/6/2022	Ninh Xuân Vui	TTr. Quý Lộc	Con	14.900.000
5	Nguyễn Thị Ban	1932	TTr. Quý Lộc	TTr. Quý Lộc	2019	04/12/2023	Lê Hữu Hùng	TTr. Quý Lộc	Con	18.000.000
6	Vũ Thị Bức	1945	Xã Yên Thái	Xã Yên Thái	249	03/01/2024	Nguyễn Chí Lưu	Xã Yên Thái	Chồng	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
7	Trịnh Thị Ngữ	1923	Xã Định Long	Xã Định Hưng	190	03/01/2024	Mai Thị Tấn	Xã Định Hưng	Con	18.000.000
8	Cao Thị Thoa	1926	Xã Định Tiến	TTr. Quán Lào	3042-3043	04/12/2023	Vũ Thị Hương	TTr. Quán Lào	Con	18.000.000
9	Trịnh Thị Gồng	1926	TTr. Quán Lào	TTr. Quán Lào	1774-1775	30/12/2023	Nguyễn Văn Tón	TTr. Quán Lào	Con	18.000.000
10	Lưu Thị Mỹ	1924	Xã Định Tăng	Xã Định Tăng	249	23/11/2023	Lưu Văn Hùng	Xã Định Tăng	Con	18.000.000
11	Lê Minh Điền	1942	Xã Định Tăng	Xã Định Tăng	25	19/9/2023	Hoàng Thị Quế	Xã Định Tăng	Vợ	18.000.000
12	Lê Thị Đơ	1925	Xã Định Tăng	Xã Định Tăng	692	02/01/2024	Trần Doãn Cúc	Xã Định Tăng	Con	18.000.000
13	Nguyễn Thị Quý	1929	Xã Định Tăng	Xã Định Tăng	2702-2704	14/12/2023	Lê Xuân Minh	Xã Định Tăng	Con	18.000.000
14	Lê Thị Yên	1925	Xã Định Tăng	Xã Định Tăng	1493-1494	26/12/2023	Lưu Văn Chung	Xã Định Tăng	Con	18.000.000
15	Lê Văn Thân	1956	Xã Định Liên	Xã Định Liên	1268	04/01/2024	Lê Thị Bảy	Xã Định Liên	Vợ	18.000.000
16	Trịnh Thị Hích	1926	Xã Định Liên	Xã Định Liên	711-924	02/01/2024	Nguyễn Trọng Ngọc	Xã Định Liên	Con	18.000.000
17	Trịnh Thị Chấn	1936	TTr. Quý Lộc	TTr. Quý Lộc	469-470	30/7/2023	Nguyễn Thị Nga	TTr. Quý Lộc	Con	18.000.000
18	Nguyễn Trọng Tại	1934	Xã Yên Thái	Xã Yên Thái	249	05/01/2024	Nguyễn Trọng Tuấn	Xã Yên Thái	Con	18.000.000
19	Trịnh Thị Hà	1927	Xã Yên Thái	Xã Yên Thái	25	29/12/2023	Lưu Văn Khải	Xã Yên Thái	Con	18.000.000
20	Lê Thị Ty	1943	Xã Yên Thọ	Xã Yên Thọ	185-186	19/12/2023	Lê Ngọc Long	Xã Yên Thọ	Con	18.000.000
21	Lê Gia Đát	1930	TTr. Yên Lâm	TTr. Yên Lâm	2527-2529	02/01/2024	Nguyễn Thị Nga	TTr. Yên Lâm	Vợ	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
22	Lê Thị Chân	1929	Xã Định Tăng	Xã Định Tăng	711-924	15/01/2024	Lê Văn Tuyên	Xã Định Tăng	Con	18.000.000
23	Lê Văn Khiêm	1919	Xã Định Tăng	Xã Định Tăng	711-924	24/12/2023	Lê Thị Nga	Xã Định Tăng	Con	18.000.000
24	Lê Văn Quých	1940	Xã Định Tiến	Xã Định Tiến	692	29/01/2024	Nguyễn Thị Hiệp	Xã Định Tiến	Vợ	18.000.000
25	Trịnh Văn Bài	1935	Xã Định Tiến	Xã Định Tiến	185-186	03/02/2024	Trịnh Thị Lài	Xã Định Tiến	Vợ	18.000.000
26	Lê Khắc Lôm	1930	Xã Định Tân	Xã Định Tân	3029	20/01/2024	Nguyễn Thị Chỉ	Xã Định Tân	Vợ	18.000.000
27	Lê Thị Duyên	1919	Xã Định Tân	Xã Định Tân	190	27/01/2016	Trịnh Bá Nga	Xã Định Tân	Con	11.500.000
28	Hoàng Duy Lượng	1940	Xã Yên Thịnh	Xã Yên Thịnh	2702-2704	16/01/2024	Hoàng Thị Thương	Xã Yên Thịnh	Con	18.000.000
29	Thiều Văn Tổng	1941	Xã Yên Phú	Xã Yên Phú	538	03/02/2024	Lưu Thị The	Xã Yên Phú	Vợ	18.000.000
30	Lê Thị Bi	1923	Xã Định Hòa	Xã Định Hòa	2184	04/12/2023	Lê Thị Liên	Xã Định Hòa	Con	18.000.000
31	Lê Thị Nở	1928	Xã Định Hòa	Xã Định Hòa	2184	12/12/2023	Vũ Thị Minh	Xã Định Hòa	Con	18.000.000
32	Lê Thị Lâm	1939	Xã Định Hòa	Xã Định Hòa	2702-2704	11/9/2023	Ngô Sĩ Hùng	Xã Định Hòa	Con	18.000.000
33	Trịnh Thị Tần	1935	TTr Yên Lâm	TTr Yên Lâm	1952	29/11/2023	Đào Văn Sáu	TTr Yên Lâm	Con	18.000.000
34	Đặng Văn Cừ	1949	Xã Định Công	Xã Định Công	249	12/10/2023	Trần Thị Loan	Xã Định Công	Vợ	18.000.000
35	Nguyễn Thị Quyên	1924	Xã Định Hải	Xã Định Hải	185-186	16/10/2023	Nguyễn Thị Nguyên	Xã Định Hải	Con	18.000.000
36	Phạm Thị Thạo	1925	Xã Yên Trường	Xã Yên Trường	1604-1605	09/12/2023	Trịnh Minh Lương	Xã Yên Trường	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
37	Nguyễn Thị Đuộm	1931	Xã Định Hưng	Xã Định Hưng	1493-1494	24/01/2024	Trịnh Đăng Đốc	Xã Định Hưng	Con	18.000.000
38	Nguyễn Văn Ba	1924	Xã Định Tiến	Xã Định Tiến	538	31/01/2024	Nguyễn Văn Thắng	Xã Định Tiến	Con	18.000.000
39	Nguyễn Đình Chầy	1933	Xã Yên Thái	Xã Yên Thái	3454	16/01/2024	Nguyễn Thị Ngân	Xã Yên Thái	Con	18.000.000
40	Nguyễn Thị Doan	1930	Xã Yên Thái	Xã Yên Thái	2702-2704	31/01/2024	Trịnh Đình Toàn	Xã Yên Thái	Con	18.000.000
41	Nguyễn Thị Lắng	1933	Xã Yên Thái	Xã Yên Thái	692	31/01/2024	Nguyễn Xuân Cường	Xã Yên Thái	Con	18.000.000
42	Lê Văn Trình	1924	Xã Yên Lạc	Xã Yên Lạc	1052-1053	11/01/2024	Lưu Thị Thôn	Xã Yên Lạc	Vợ	18.000.000
43	Trương Thị Tính	1949	TTr. Yên Lâm	TTr. Yên Lâm	1635	21/01/2024	Trương Thị Liễu	TTr. Yên Lâm	Con	18.000.000
44	Nguyễn Thị Xâm	1930	Xã Yên Phong	Xã Yên Phong	2184	31/01/2024	Lê Trọng Lạc	Xã Yên Phong	Con	18.000.000
45	Trịnh Thị Chát	1926	Xã Yên Trường	Xã Yên Trường	2702-2704	04/02/2024	Phạm Công Lượng	Xã Yên Trường	Con	18.000.000
46	Phan Thị Chát	1928	Xã Yên Trung	Xã Yên Trung	2184	23/01/2024	Đỗ Khắc Sước	Xã Yên Trung	Con	18.000.000
47	Nguyễn Thị Quý	1936	Xã Yên Trung	Xã Yên Trung	1493-1494	06/3/2024	Chu Minh Thiệu	Xã Yên Trung	Cháu	18.000.000
48	Chu Đình San	1940	Xã Yên Trung	Xã Yên Trung	3029	24/02/2024	Chu Đình Vũ	Xã Yên Trung	Con	18.000.000
49	Trịnh Thị Thú	1930	Xã Yên Thịnh	Xã Yên Thịnh	25	25/02/2024	Trịnh Văn Sự	Xã Yên Thịnh	Con	18.000.000
50	Đỗ Văn Ngừ	1925	Xã Yên Thịnh	Xã Yên Thịnh	469-470	16/02/2024	Hà Thị Hiên	Xã Yên Thịnh	Vợ	18.000.000
51	Lê Thị Đào	1930	Xã Yên Thịnh	Xã Yên Thịnh	711-924	10/3/2024	Đỗ Thị Trâm	Xã Yên Thịnh	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
52	Trịnh Minh Hạnh	1950	Xã Yên Thịnh	Xã Yên Thịnh	2702-2704	31/01/2024	Nguyễn Thị Niều	Xã Yên Thịnh	Vợ	18.000.000
53	Nguyễn Thị Lăng	1949	Xã Yên Thái	Xã Yên Thái	1052-1053	12/3/2024	Nguyễn Thế Tuyên	Xã Yên Thái	Con	18.000.000
54	Ngô Thị Đức	1930	Xã Yên Tâm	Xã Yên Tâm	692	16/3/2024	Mai Thị Nhung	Xã Yên Tâm	Em	18.000.000
55	Trịnh Hữu Ngân	1953	Xã Yên Phú	Xã Yên Phú	3042-3043	10/02/2024	Lê Thị Tinh	Xã Yên Phú	Vợ	18.000.000
56	Trịnh Văn Thắng	1952	Xã Yên Phú	Xã Yên Phú	1493-1494	02/3/2024	Nguyễn Thị Kiên	Xã Yên Phú	Con	18.000.000
57	Ngô Thị Phấn	1927	Xã Yên Phú	Xã Yên Phú	2280	07/3/2024	Trịnh Thị Tám	Xã Yên Phú	Con	18.000.000
58	Nguyễn Xuân Tơ	1932	Xã Yên Hùng	Xã Yên Hùng	1052-1053	05/01/2024	Nguyễn Thị Thanh	Xã Yên Hùng	Vợ	18.000.000
59	Cao Thị Tách	1930	Xã Định Tiến	Xã Định Tiến	25	29/01/2024	Nguyễn Văn Thìn	Xã Định Tiến	Con	18.000.000
60	Nguyễn Văn Xuân	1944	Xã Định Tiến	Xã Định Tiến	1952	07/3/2024	Nguyễn Thị Tấn	Xã Định Tiến	Vợ	18.000.000
61	Trịnh Thị Lan	1922	Xã Định Tăng	Xã Định Tăng	249	06/01/2024	Lê Minh Hoạt	Xã Định Tăng	Con	18.000.000
62	Lê Thị Sen	1933	Xã Định Tăng	Xã Định Tăng	711-924	18/3/2024	Trịnh Văn Hộ	Xã Định Tăng	Con	18.000.000
63	Lê Thị Cử	1928	Xã Định Tăng	Xã Định Tăng	25	22/01/2024	Lưu Ngọc Chính	Xã Định Tăng	Chồng	18.000.000
64	Lưu Thị Vân	1928	Xã Định Tăng	Xã Định Tăng	25	18/01/2024	Lưu Văn Tá	Xã Định Tăng	Con	18.000.000
65	Lê Văn Nghi	1932	Xã Định Long	Xã Định Long	185-186	06/01/2024	Lê Văn Lực	Xã Định Long	Con	18.000.000
66	Lê Thị Thuận	1927	Xã Định Hòa	Xã Định Hòa	2184	19/01/2024	Nguyễn Văn Thanh	Xã Định Hòa	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
67	Nguyễn Thi Ung	1930	Xã Định Thành	Xã Định Hòa	2702-2704	05/3/2024	Phạm Văn Tuyết	Xã Định Hòa	Con	18.000.000
68	Lê Khắc Song	1928	Xã Định Hòa	Xã Định Hòa	39-41	11/3/2024	Lê Khắc Hoàng	Xã Định Hòa	Con	18.000.000
69	Lê Thị Hồng	1945	Xã Định Liên	TTr Yên Lâm	1952	29/02/2024	Lê Chí Hùng	TTr Yên Lâm	Con	18.000.000
	Cộng: 69 ĐT									1.229.300.000
XVI	Huyện Hà Trung									
1	Nguyễn Văn Tri	1936	Xã Hà Vinh	Xã Hà Vinh	249	05/01/2024	Nguyễn Văn Sơn	Xã Hà Vinh	Con	18.000.000
2	Nguyễn Thị Ёn	1937	Xã Hà Vinh	Xã Hà Vinh	538	29/12/2023	Nguyễn Văn Vinh	Xã Hà Vinh	Con	18.000.000
3	Lê Văn Dầu	1933	Xã Hà Vinh	Xã Hà Vinh	249	04/7/2023	Lê Văn Thắng	Xã Hà Vinh	Con	18.000.000
4	Lê Thị Tung	1942	Xã Hà Vinh	Xã Hà Vinh	538	10/12/2023	Nguyễn Bá Tý	Xã Hà Vinh	Con	18.000.000
5	Vũ Văn Vượng	1939	Xã Hà Bắc	Xã Hà Bắc	2702-2704	19/12/2023	Vũ Văn Việt	Xã Hà Bắc	Con	18.000.000
6	Phí Sơn Nghè	1940	Xã Hà Lâm	Xã Hà Long	190	11/02/2024	Lê Thị Lành	Xã Hà Long	Vợ	18.000.000
7	Trần Thị Sắt	1927	Xã Hà Long	Xã Hà Long	25	02/12/2023	Nguyễn Văn Phúc	Xã Hà Long	Con	18.000.000
8	Nguyễn Văn Minh	1926	Xã Hà Lĩnh	Xã Hà Lĩnh	25	11/02/2024	Lê Thị Thứ	Xã Hà Lĩnh	Vợ	18.000.000
9	Hoàng Văn Bớ	1930	Xã Hà Lĩnh	Xã Hà Lĩnh	25	26/01/2024	Hoàng Thị Tong	Xã Hà Lĩnh	Vợ	18.000.000
10	Hoàng Thị Ngơn	1933	Xã Hà Ngọc	Xã Hà Ngọc	3454	06/01/2024	Phạm Ngọc Sách	Xã Hà Ngọc	Con	18.000.000
11	Vũ Quang Phái	1927	Xã Hà Giang	Xã Hà Giang	538	22/12/2023	Vũ Văn Tám	Xã Hà Giang	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
12	Lê Thị Nảy	1934	Xã Hà Bắc	Xã Hà Bắc	39-41	25/12/2023	Vũ Thị Nhung	Xã Hà Bắc	Con	18.000.000
13	Trần Quốc Hoàn	1952	Xã Hà Long	Xã Hà Long	2527-2529	31/12/2023	Tổng Thị Chuyện	Xã Hà Long	Vợ	18.000.000
14	Nguyễn Thị Mây	1952	Xã Hoạt Giang	Xã Hoạt Giang	1221-1223	14/01/2024	Lê Văn Bộ	Xã Hoạt Giang	Chồng	18.000.000
15	Lê Thị Chư	1937	Xã Hoạt Giang	Xã Hoạt Giang	214	30/11/2023	Phạm Minh Đức	Xã Hoạt Giang	Con	18.000.000
16	Hà Thị Xăng	1928	Xã Hà Lĩnh	Xã Hà Lĩnh	711-924	31/12/2023	Hoàng Văn Hùng	Xã Hà Lĩnh	Con	18.000.000
17	Hà Thị Tôm	1931	Xã Hà Lĩnh	Xã Hà Lĩnh	25	20/12/2023	Hoàng Đình Chính	Xã Hà Lĩnh	Con	18.000.000
18	Ngô Thị Ngân	1933	Xã Hà Vân	Xã Hoạt Giang	2280	04/01/2024	Đình Công Chức	Xã Hoạt Giang	Con	18.000.000
19	Đặng Hữu Thịnh	1946	Xã Hà Đông	Xã Hà Đông	1952	04/01/2024	Đỗ Thị Toàn	Xã Hà Đông	Vợ	18.000.000
20	Trần Thị Thất	1933	Xã Hà Sơn	Xã Hà Sơn	3454	29/01/2024	Nguyễn Văn Minh	Xã Hà Sơn	Con	18.000.000
21	Nguyễn Thị Nuôi	1927	Xã Hà Giang	Xã Hà Giang	2702-2704	09/02/2024	Trần Văn Kê	Xã Hà Giang	Con	18.000.000
22	Nguyễn Thị Cót	1931	Xã Hà Vân	Xã Hoạt Giang	2280	31/01/2024	Mai Thế Bộ	Xã Hoạt Giang	Con	18.000.000
23	Hoàng Thị Cay	1933	TTr Hà Trung	TTr Hà Trung	711-924	18/02/2024	Ngô Văn Dương	TTr Hà Trung	Con	18.000.000
24	Nguyễn Văn Thịnh	1929	Xã Hà Long	Xã Hà Long	1604-1605	04/02/2024	Nguyễn Văn Bảy	Xã Hà Long	Con	18.000.000
25	Lê Thị Tánh	1930	Xã Hà Thái	Xã Hà Thái	711-924	18/02/2024	Vũ Văn Tam	Xã Hà Thái	Con	18.000.000
26	Lê Thị Hy	1934	Xã Hà Thái	Xã Hà Thái	2702-2704	11/02/2024	Lê Văn Thành	Xã Hà Thái	Con	18.000.000
27	Lê Thị Dồn	1930	Xã Châu Lộc,	Xã Hà Sơn	1052-	20/01/2024	Lê Văn Biên	Xã Hà Sơn	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
			huyện Hậu Lộc		1053					
28	Nguyễn Thị Nụ	1924	Xã Hà Phú	Xã Lĩnh Toại	2184	22/02/2024	Ngô Thị Lan	Xã Lĩnh Toại	Con	18.000.000
29	Nguyễn Văn Gấm	1933	Xã Hà Hải	Xã Hà Hải	214	06/3/2024	Nguyễn Đức Thê	Xã Hà Hải	Con	18.000.000
30	Phan Thị Thôn	1923	Xã Hà Thanh	Xã Hoạt Giang	1052-1053	04/3/2024	Vũ Văn Sâm	Xã Hoạt Giang	Con	18.000.000
31	Nguyễn Thị Thơm	1931	Xã Hoằng Giang, huyện Hoằng Hóa	Xã Hà Sơn	1604-1605	13/2/2024	Đỗ Văn Dũng	Xã Hà Sơn	Con	18.000.000
32	Đỗ Thị Na	1928	Xã Hà Lai	Xã Hà Lai	711-924	05/3/2024	Nguyễn Hữu Hào	Xã Hà Lai	Con	18.000.000
33	Nguyễn Thị Thuận	1942	Xã Yên Dương	Xã Yên Dương	1538	22/02/2024	Trần Văn Hoàn	Xã Yên Dương	Con	18.000.000
34	Lê Thị Tần	1923	Xã Hà Ngọc	Xã Hà Ngọc	1665	17/02/2024	Phạm Đình Sáu	Xã Hà Ngọc	Con	18.000.000
35	Đỗ Thị Xế	1925	X. Hoằng Giang, H. Hoằng Hóa	Xã Hà Sơn	2019	25/01/2024	Nguyễn Bá Toan	Xã Hà Sơn	Con	18.000.000
36	Đỗ Ngọc Tụng	1949	Xã Hà Tân	Xã Hà Tân	1052-1053	18/02/2024	Đỗ Ngọc Đông	Xã Hà Tân	Cháu	18.000.000
37	Tổng Thị Dia	1923	Xã Hà Bắc	Xã Hà Bắc	2702-2704	11/3/2024	Trịnh Xuân Hòa	Xã Hà Bắc	Con	18.000.000
38	Nguyễn Thị Mót	1930	Xã Hà Bắc	Xã Hà Bắc	2527-2529	04/01/2024	Tổng Thọ Tăng	Xã Hà Bắc	Con	18.000.000
	Cộng: 38 DT									684.000.000
XVII	Thị xã Bỉm Sơn									
1	Lê Thị Biên	1952	X. Xuân Phúc, H. Như Thanh	Phường Ngọc Trạo	3029	18/01/2024	Nguyễn Đức Thảo	Phường Ngọc Trạo	Chồng	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Cộng: 1 ĐT									18.000.000
XVIII	Huyện Bá Thước									
1	Nguyễn Thị Phen	1930	Xã Lương Nội	Xã Lương Nội	3029	24/12/2023	Trương Văn Lực	Xã Lương Nội	Con	18.000.000
2	Quách Văn Lũ	1950	Xã Lương Nội	Xã Lương Nội	1052-1053	24/4/2021	Quách Văn Chương	Xã Lương Nội	Con	14.900.000
3	Hà Thị Núi	1957	Xã Ban Công	Xã Ban Công	3454	17/12/2023	Đinh Văn Khoa	Xã Ban Công	Con	18.000.000
4	Bùi Thị Liên	1939	Xã Ái Thượng	Xã Ái Thượng	3029	15/12/2023	Trương Thị Đào	Xã Ái Thượng	Con	18.000.000
5	Hà Thị Chìn	1939	Xã Điền Hạ	Xã Điền Hạ	214	20/9/2023	Bùi Văn Hải	Xã Điền Hạ	Con	18.000.000
6	Trương Văn Quân	1951	Xã Hạ Trung	Xã Hạ Trung	469-470	10/12/2023	Trương Thị Sinh	Xã Hạ Trung	Con	18.000.000
7	Bùi Văn Bông	1937	Xã Hạ Trung	Xã Hạ Trung	2527-2529	14/02/2024	Bùi Văn Tơ	Xã Hạ Trung	Con	18.000.000
8	Bùi Thị Nhung	1941	Xã Lương Trung	Xã Lương Trung	3029	07/01/2024	Trương Văn Hải	Xã Lương Trung	Con	18.000.000
9	Trương Thị Kiều	1933	Xã Lương Trung	Xã Lương Trung	3029	24/12/2023	Bùi Văn Trọng	Xã Lương Trung	Cháu	18.000.000
10	Bùi Thị Nhiệ	1929	Xã Lương Trung	Xã Lương Trung	3454	04/01/2024	Bùi Văn Hiểu	Xã Lương Trung	Con	18.000.000
11	Nguyễn Thị Loan	1937	Xã Lương Trung	Xã Lương Trung	3029	25/01/2024	Quách Văn Tích	Xã Lương Trung	Con	18.000.000
12	Vi Thị Mầu	1934	Xã Lũng Cao	Xã Lũng Cao	1052-1053	01/02/2024	Hà Văn Quân	Xã Lũng Cao	Cháu	18.000.000
13	Bùi Thị Thao	1933	Xã Điền Thượng	Xã Điền Thượng	1421	23/12/2023	Hà Văn Luật	Xã Điền Thượng	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
XIX	Huyện Quan Sơn									
1	Hà Văn Tui	1952	Xã Trung Hạ	Xã Trung Hạ	469-470	28/02/2024	Lương Thị Chính	Xã Trung Hạ	Vợ	18.000.000
2	Hà Văn Săn	1940	Xã Tam Thanh	Xã Tam Thanh	548	14/02/2024	Hà Văn Thới	Xã Tam Thanh	Con	18.000.000
3	Hà Văn Nội	1923	Xã Trung Thượng	Xã Trung Thượng	1635	23/12/2023	Hà Văn Tươi	Xã Trung Thượng	Con	18.000.000
4	Phạm Thị Dom	1933	Xã Mường Mìn	Xã Mường Mìn	1604-1605	01/01/2024	Phạm Bá Thuộc	Xã Mường Mìn	Con	18.000.000
	Cộng: 4 ĐT									72.000.000
XX	Huyện Như Thanh									
1	Nguyễn Thị Yênğ	1924	P. Quảng Hưng, TP Thanh Hóa	Xã Xuân Khang	469-470	10/6/2023	Hồ Công Chuyên	Xã Xuân Khang	Cháu	14.900.000
2	Nguyễn Thị Khoai	1940	TTr. Tân Phong, H.Quảng Xương	Xã Yên Thọ	1952	17/11/2023	Lê Đức Thành	Xã Yên Thọ	Con	18.000.000
3	Nguyễn Thị Gấn	1926	X.Thành Lộc, H Hậu Lộc	Xã Yên Thọ	717-924	24/12/2023	Phạm Văn Cường	Xã Yên Thọ	Cháu	18.000.000
4	Trình Thị Nghiêñ	1949	X. Quảng Hùng, TP Sầm Sơn	Xã Thanh Tân	1604-1605	24/02/2024	Vũ Đức Hùng	Xã Thanh Tân	Con	18.000.000
5	Lê Kim Rườğ	1934	X. Quảng Hưng, TP Thanh Hóa	Xã Xuân Khang	2280	16/10/2023	Lê Kim Trường	Xã Xuân Khang	Con	18.000.000
6	Lê Đình Thực	1935	X.Tiên Trang, H.Quảng Xương	Xã Yên Thọ	1604-1605	04/02/2024	Nguyễn Thị Na	Xã Yên Thọ	Vợ	18.000.000
7	Lê Thị Mơ	1916	X. Thiệu Lý, H.Thiệu Hóa	Xã Xuân Du	2527-2529	26/10/2023	Nguyễn Thăng Sự	Xã Xuân Du	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
8	Lê Thị Tương	1955	P. Quảng Hưng, TP Thanh Hóa	Xã Xuân Khang	3029	16/01/2024	Hồ Công Thành	Xã Xuân Khang	Con	18.000.000
	Cộng: 8 ĐT									140.900.000
XXI	Huyện Thường Xuân									
1	Vi Đình Loan	1928	Xã Yên Nhân	Xã Yên Nhân	1538	22/12/2023	Vi Quốc Tuyển	Xã Yên Nhân	Con	18.000.000
2	Mai Thị Dự	1929	X. Thiệu Nguyên, H Thiệu Hóa	TTr Thường Xuân	1052-1053	06/11/2023	Trần Xuân Thành	TTr Thường Xuân	Con	18.000.000
	Cộng: 2 ĐT									36.000.000
XXII	Huyện Như Xuân									
1	Vi Công Chắt	1946	Xã Thanh Quân	Xã Thanh Quân	692	03/12/2023	Vi Hồng Chung	Xã Thanh Quân	Con	18.000.000
2	Vi Đức Quý	1934	Xã Thanh Quân	Xã Thanh Quân	39-41	20/8/2023	Lê Xuân Đại	Xã Hóa Quý	Cháu	18.000.000
	Cộng: 2 ĐT									36.000.000
XXIII	Huyện Hậu Lộc									
1	Kiều Thị Thọ	1940	Xã Tiến Lộc	Xã Tiến Lộc	190	20/7/2023	Lê Bá Trang	Xã Tiến Lộc	Chồng	18.000.000
2	Nguyễn Thị Nhác	1928	Xã Tiến Lộc	Xã Tiến Lộc	2702-2704	03/02/2024	Trịnh Thị Thu Hà	Xã Tiến Lộc	Con	18.000.000
3	Phạm Thị Nhâm	1931	Xã Tiến Lộc	Xã Tiến Lộc	2702-2704	12/02/2024	Kiều Văn Chử	Xã Tiến Lộc	Con	18.000.000
4	Nguyễn Thị Tám	1937	Xã Tiến Lộc	Xã Tiến Lộc	2702-2704	23/12/2023	Hoàng Hữu Mai	Xã Tiến Lộc	Chồng	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
5	Hoàng Thị Thao	1934	Xã Tiến Lộc	Xã Tiến Lộc	2702-2704	04/02/2024	Phạm Văn Sơn	Xã Tiến Lộc	Con	18.000.000
6	Phạm Thị Rõng	1945	Xã Tiến Lộc	Xã Tiến Lộc	2702-2704	20/12/2023	Kiều Văn Thống	Xã Tiến Lộc	Chồng	18.000.000
7	Lê Thị Nang	1927	Xã Đại Lộc	Xã Đại Lộc	185-186	23/01/2024	Vũ Nguyên Khải	Xã Đại Lộc	Con	18.000.000
8	Ngô Văn Ngũ	1935	Xã Đại Lộc	Xã Đại Lộc	2702-2704	04/02/2024	Ngô Văn Ngân	Xã Đại Lộc	Con	18.000.000
9	Vũ Thị Dạm	1933	Xã Đại Lộc	Xã Đại Lộc	1604-1605	27/11/2023	Hoàng Văn Chủ	Xã Đại Lộc	Con	18.000.000
10	Đinh Thị Cạy	1935	Xã Đại Lộc	Xã Đại Lộc	1604-1605	02/01/2024	Vũ Văn Nhe	Xã Đại Lộc	Chồng	18.000.000
11	Mai Thị Nghi	1926	Xã Hòa Lộc	Xã Hòa Lộc	25	07/02/2024	Trịnh Xuân Lệ	Xã Hòa Lộc	Con	18.000.000
12	Bùi Thị Hữu	1933	TTr Hậu Lộc	TTr Hậu Lộc	1635	08/01/2024	Đỗ Văn Giang	TTr Hậu Lộc	Con	18.000.000
13	Hoàng Hữu Phúc	1932	Xã Quang Lộc	Xã Quang Lộc	1221-1223	30/10/2023	Hoàng Văn Lộc	Xã Quang Lộc	Con	18.000.000
14	Mai Thị Sòi	1934	Xã Quang Lộc	Xã Quang Lộc	1604-1605	30/09/2023	Lý Thị Loan	Xã Quang Lộc	Con	18.000.000
15	Nguyễn Văn Nguyên	1931	Xã Quang Lộc	Xã Quang Lộc	214	07/11/2023	Nguyễn Văn Lệ	Xã Quang Lộc	Con	18.000.000
16	Nguyễn Thị Trang	1941	Xã Quang Lộc	Xã Quang Lộc	692	13/11/2023	Mai Thế Hội	Xã Quang Lộc	Chồng	18.000.000
17	Phạm Thị Tuần	1933	Xã Hòa Lộc	Xã Hòa Lộc	538	28/01/2024	Biện Văn Chiến	Xã Hòa Lộc	Con	18.000.000
18	Nguyễn Thị Nháy	1933	Xã Hòa Lộc	Xã Hòa Lộc	692	28/12/2023	Phạm Thị Trọng	Xã Hòa Lộc	Con	18.000.000
19	Trịnh Văn Lượng	1931	Xã Lộc Sơn	Xã Lộc Sơn	185-186	12/02/2024	Trịnh Văn Bính	Xã Lộc Sơn	Con	18.000.000

STT	Họ và tên dân công hỏa tuyến đã từ trần	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Hộ khẩu thường trú thân nhân	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
20	Đình Thị Nhu	1923	Xã Thuần Lộc	Xã Thuần Lộc	39-41	03/01/2024	Đỗ Văn Đồng	Xã Thuần Lộc	Con	18.000.000
21	Lưu Thị Cẩm	1936	Xã Thuần Lộc	Xã Thuần Lộc	1052-1053	02/02/2024	Lê Quang Trung	Xã Thuần Lộc	Con	18.000.000
22	Lý Thị Hiếu	1934	Xã Liên Lộc	Xã Liên Lộc	3029	30/01/2024	Nguyễn Văn Dũng	Xã Liên Lộc	Con	18.000.000
	Cộng: 22 ĐT									396.000.000
XXIV	Huyện Mường Lát									
1	Hơ Văn Tựa	1923	Xã Pù Nhi	Xã Pù Nhi	717-924	04/10/2022	Hơ Dính Pó	Xã Pù Nhi	Con	14.900.000
2	Lò Thị Đan	1938	H. Mộc Châu, tỉnh Sơn La	TTr Mường Lát	1604-1605	14/12/2023	Ngân Văn Quạng	TTr. Mường Lát	Con	18.000.000
3	Vi Văn Thị	1934	Xã Pù Nhi	Xã Pù Nhi	25	01/12/2023	Vi Văn Xài	Xã Pù Nhi	Con	18.000.000
	Cộng: 3 ĐT									50.900.000
	Tổng cộng: 700 ĐT									12.525.500.000

(Bảng chữ: Mười hai tỷ, năm trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng)./.